Báo cáo thường niên 2025

ĐÓN ĐẦU VẬN HỘI

Vietcombank Fund Management

Mục lục

THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC 03

Chương I
THÔNG TIN CHUNG 05

Thông tin khái quát 06
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 06
Mô hình quản trị 08
Hội đồng thành viên 09
Ban điều hành 10
Tầm nhìn và sứ mệnh 11
Định hướng phát triển 12
Các rủi ro 13
Sản phẩm: Quỹ mở 14
Sản phẩm: Quỹ hưu trí 20
Sản phẩm: Quản lý danh mục 22

Chương II
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 24

Thị trường trong năm 2025 25
Chiến lược đầu tư trong năm 2025 26
Các dấu ấn trong năm 2025 27
Tình hình tài chính 30
Báo cáo tác động môi trường và xã hội 33
Báo cáo trách nhiệm với cộng đồng địa phương 33

Chương III
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH 34

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh 35
Tình hình tài chính 35
Kế hoạch phát triển trong tương lai 35

Chương IV
BÁO CÁO TÀI CHÍNH 36

Báo cáo tài chính được kiểm toán 37

THÔNG ĐIỆP CỦA
TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính chào các Nhà đầu tư,

Chúng ta đã trải qua một năm 2025 đầy biến động, với những thay đổi lớn trong cục diện toàn cầu, căng thẳng thương mại và các xung đột địa chính trị kéo dài, tạo ra nhiều bất định cho thị trường. Năm 2025 cũng chứng kiến một loạt các sự kiện lớn trong nước với việc sát nhập các đơn vị hành chính, tổ chức lại bộ máy chính quyền và một loạt các chủ trương, chính sách mới. Tuy nhiên, bất chấp những thách thức và các thay đổi lớn đó, cả nền kinh tế Việt Nam, thị trường chứng khoán và các quỹ của chúng ta đều đã thể hiện sự vững vàng đáng ghi nhận.

Nền kinh tế Việt Nam một lần nữa khẳng định sức mạnh nội tại và khả năng thích ứng linh hoạt. Tăng trưởng GDP đạt mức ấn tượng 8%, được hỗ trợ bởi hoạt động kinh tế trong nước và thương mại quốc tế tích cực. Thị trường chứng khoán tăng trưởng mạnh mẽ, tăng hơn 40% trong năm, chủ yếu nhờ sự tăng trưởng đột biến của một số cổ phiếu vốn hóa lớn.

Mặc dù các quỹ của chúng ta chưa hoàn toàn theo kịp mức tăng trưởng vượt trội của thị trường, nhưng vẫn đạt được kết quả tích cực. Quỹ VCBF-BCF tăng gần 23%, sau khi đã tăng ấn tượng 27,4% năm trước đó, trong khi VCBF-AIF và VCBF-TBF đạt mức lợi nhuận khoảng 15%. Quỹ VCBF-MGF và quỹ VCBF-FIF ghi nhận mức tăng trưởng khiêm tốn hơn, khoảng 6%, do những đặc thù của thị trường, đặc biệt là ở giai đoạn cuối năm.

Đáng khích lệ là đà tăng trưởng này tiếp tục được duy trì trong hai tháng đầu năm 2026 với tất cả các quỹ đều có kết quả khả quan và đều đang vượt lợi nhuận tham chiếu tương ứng của từng quỹ.

Gần đây, thị trường toàn cầu chịu ảnh hưởng mạnh từ cuộc chiến do Hoa Kỳ và Israel phát động nhằm vào Iran. Giá xăng dầu tăng đột biến, trong khi hoạt động logistics và đi lại toàn cầu bị gián đoạn. Chỉ số VN-Index đã giảm hơn 12% chỉ trong vòng ba tuần kể từ khi chiến sự bắt đầu.

Mặc dù không tránh khỏi bị ảnh hưởng bởi diễn biến bất lợi của thị trường, các quỹ của chúng ta đã chứng minh sự ổn định tương đối. Điều này phản ánh cách đầu tư kỷ luật của chúng tôi - sở hữu một danh mục đa dạng các doanh nghiệp có nền tảng cơ bản tốt, định giá hợp lý, phù hợp với chiến lược đầu tư của từng quỹ.

Nguyễn Thị Hằng Nga, CFA
Tổng Giám đốc

Năm 2025 cũng chứng kiến những dấu mốc quan trọng với thị trường vốn khi Trung tâm tài chính quốc tế được thành lập, Chính phủ ban hành nghị quyết về triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hoá tại Việt Nam và FTSE Russell công bố nâng hạng Việt Nam lên thị trường mới nổi thứ cấp. Thị trường quỹ cũng có một cột mốc quan trọng khi Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 3168 phê duyệt Đề án tái cấu trúc cơ sở nhà đầu tư và Phát triển ngành quỹ đầu tư, trong đó đề xuất một loạt các giải pháp tổng thể và toàn diện nhằm phát triển ngành quỹ với các kế hoạch hành động cụ thể. Và tôi cũng vui mừng thông báo là đề xuất miễn thuế thu nhập cá nhân cho nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ trên hai năm và giảm 50% thuế cổ tức chi trả từ quỹ đã được thông qua tại Luật thuế thu nhập cá nhân sửa đổi. Điều này cho thấy quyết tâm rất cao của Chính phủ trong việc phát triển ngành quỹ, với mục tiêu đưa quỹ thành công cụ đầu tư phổ biến của người dân thay vì tự đầu tư.

Với vai trò là một trong những công ty quản lý quỹ hàng đầu trên thị trường, VCBF cam kết đồng hành cùng Chính phủ và nhà đầu tư trong hành trình phát triển ngành. Bên cạnh duy trì kỷ luật đầu tư nhằm mang lại kết quả đầu tư vượt trội và nhất quán qua thời gian, chúng tôi cũng xác định trách nhiệm quan trọng trong việc nâng cao kiến thức về tài chính cá nhân và đầu tư dài hạn cho nhà đầu tư. Trong năm qua, VCBF đã tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động đào tạo và nâng cao kiến thức đầu tư cho khách hàng, thông qua các kênh thông tin của VCBF, các hội thảo trực tuyến và trực tiếp, nhằm cung cấp thông tin tới khách hàng về lợi ích của đầu tư dài hạn và lợi ích của đầu tư quỹ, cũng như cung cấp các thông tin minh bạch về hoạt động và kết quả đầu tư của các quỹ mở VCBF.

Trong thời gian tới, dù các yếu tố bất định toàn cầu vẫn còn khó dự đoán, chúng tôi tin tưởng vào triết lý đầu tư giá trị và dài hạn của mình. Đội ngũ đầu tư giàu kinh nghiệm của VCBF luôn theo dõi sát sao các diễn biến kinh tế vĩ mô, xu hướng ngành, cũng như biến động thị trường. Đồng thời, chúng tôi duy trì sự phối hợp chặt chẽ với công ty mẹ Franklin Templeton, qua đó tận dụng góc nhìn toàn cầu để đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp, với mục tiêu cuối cùng là mang lại hiệu quả đầu tư vượt trội trong dài hạn.

> Số lượng nhà đầu tư mới đạt mức kỷ lục là minh chứng rõ ràng nhất cho niềm tin vào hành trình mà chúng ta đang cùng nhau gây dựng tại VCBF.

Chúng tôi chân thành cảm ơn sự tin tưởng của Quý Nhà đầu tư. Chúng tôi cam kết tiếp tục minh bạch thông tin và duy trì kết nối thường xuyên thông qua các kênh truyền thông và sự kiện trực tuyến.

Để biết thêm thông tin, bao gồm hiệu quả hoạt động của các quỹ và các sự kiện sắp tới, vui lòng truy cập website: www.vcbf.com

Trân trọng,

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hằng Nga

Chương I

Thông tin chung

06 Thông tin khái quát

06 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

08 Mô hình quản trị

09 Hội đồng thành viên

10 Ban điều hành

11 Tầm nhìn và sứ mệnh

12 Định hướng phát triển

13 Quản trị rủi ro

14 Sản phẩm: Quỹ mở

20 Sản phẩm: Quỹ hưu trí

22 Sản phẩm: Quản lý danh mục đầu tư

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch

Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Vietcombank

Giấy phép

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02/12/2005.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101842669 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà nội cấp đăng ký lần đầu ngày 02/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 28/01/2026.

Vốn điều lệ

265.000.000.000 VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

333.705.220.809 VND

Thành viên góp vốn

Vietcombank	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	51%
FRANKLIN TEMPLETON	Công ty Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	49%

Địa chỉ

Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank,
198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số điện thoại

024.3936.4540

Số fax

024.3936.4542

Website

www.vcbf.com

Mã cổ phiếu

Không có

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán.
Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
Tư vấn đầu tư chứng khoán

Địa bàn kinh doanh

Hà Nội (Trụ sở chính)
TP. Hồ Chí Minh (Chi Nhánh)

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2023

Ra mắt Quỹ Hưu Trí Cân Bằng VCBF (VCBF-CB) và Quỹ Hưu Trí Bảo Toàn VCBF (VCBF-BT)

2024 - 2025

Ra mắt Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF (VCBF-AIF) và Quỹ Hưu Trí Cân Bằng VCBF (VCBF-CB)

Nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động Nhận uỷ thác Đầu tư Gián tiếp ra Nước ngoài

2022

Nhận Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ quản lý Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự Nguyện.

Ra mắt ứng dụng VCBF Mobile.

2021

Nhận giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF (VCBF-MGF).

2019

Giới thiệu hệ thống giao dịch điện tử VCBF ETRADE.

Nhận giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF (VCBF-FIF).

2008

FRANKLIN TEMPLETON

Franklin Templeton Investments mua lại phần vốn góp của Viet Capital Holdings.

2013

Nhận giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ mở đầu tiên - Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF (VCBF-TBF).

2014

Nhận giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF (VCBF-BCF).

2007

Thành lập Quỹ VPF2.

2006

Thành lập Văn phòng Chi nhánh phía Nam tại TP. Hồ Chí Minh.

2005

Vietcombank

Thành lập VCBF- Công ty liên doanh giữa Vietcombank và Viet Capital Holdings; Trụ sở chính tại Hà Nội

Thành lập Quỹ VPF1.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

GIẢI THƯỞNG

2026

Quỹ Cân Bằng Hiệu Suất Tốt Nhất Việt Nam
Tạp chí Global Business Outlook

Công ty Quản Lý Quỹ Đột Phá
Tạp chí Global Business Outlook

2025

100 Doanh nghiệp toàn cầu
Tạp chí Global Banking & Finance Awards

Công Ty Quản Lý Quỹ Tiêu Biểu
Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam - VSD

2024

Quỹ Mở Mid-Cap Tốt Nhất Việt Nam 2024
Tạp chí International Business

Sản Phẩm Quỹ Mở Đa Dạng Nhất Việt Nam 2024
Tạp chí Global Business Outlook

Công Ty Quản Lý Quỹ Tiêu Biểu Năm 2024
Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam - VSDC

2023

Công Ty Quản Lý Quỹ Tốt Nhất Việt Nam 2023
Tạp chí Finance Derivative

2021

Công ty Quản Lý Quỹ Đầu Tư Tốt Nhất Tại Việt Nam
Tạp chí International Finance & Tạp chí Finance Derivative

2020

Công ty Quản Lý Quỹ Đầu Tư Tốt Nhất Tại Việt Nam
Tạp chí International Finance của Anh

Công ty Quản Lý Tài Sản Xuất Sắc Nhất Thập Kỷ Tại Việt Nam
Tạp chí Global Business Outlook và Tạp chí Global Brand của Anh

2018

Công ty Quản Lý Quỹ Đầu Tư Tốt Nhất Tại Việt Nam
Tạp chí Global Business Outlook và Tạp chí Global Brand của Anh

2017

Công ty Quản Lý Quỹ Đầu Tư Tốt Nhất Tại Việt Nam
Tạp chí International Finance của Anh

2013

Công ty Quản Lý Quỹ Đầu Tư Tốt Nhất Tại Việt Nam
Tạp chí World Finance của Anh

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Ông **VŨ QUANG ĐÔNG**
Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Ông Vũ Quang Đông chính thức trở thành Chủ tịch Hội đồng Thành viên từ tháng 4 năm 2024. Trước đó, ông Đông giữ vị trí Tổng Giám Đốc và Thành viên Hội đồng Thành viên của VCBF từ tháng 7 năm 2017 đến tháng 4 năm 2024.

Ông Đông được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc phụ trách Khối Vốn và Thị trường của Vietcombank ("VCB") vào tháng 4 năm 2024. Ông đã làm việc tại VCB từ năm 2002 trước khi trở thành CEO của Công ty Chứng khoán Vietcombank ("VCBS") từ năm 2012 đến năm 2017 và CEO của VCBF từ tháng 7 năm 2017 đến tháng 4 năm 2024.

Ông Đông là Tiến sĩ Kinh tế Tài chính của trường Đại học Georgetown, Mỹ; Thạc sĩ Kinh tế của trường Đại học Georgetown, Mỹ và Thạc sĩ Kinh tế của trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, Cử nhân Kinh tế của trường Đại học Ngoại thương Hà Nội.

Ông **AVINASH DEEPAK SATWALEKAR, CFA**
Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Ông Avinash Satwalekar được bổ nhiệm làm Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên của VCBF vào tháng 4 năm 2024. Ông giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Thành viên của VCBF từ tháng 7 năm 2017 đến tháng 4 năm 2024. Trước đó, ông là Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Đầu tư của VCBF từ tháng 5 năm 2012 đến tháng 7 năm 2017.

Hiện tại, ông là Chủ tịch Franklin Templeton Ấn Độ. Trước đó, ông là Giám đốc vùng Malaysia và Giám đốc điều hành của Franklin Templeton Malaysia.

Ông Satwalekar là Thạc sĩ Tài chính của trường Wharton tại Đại học Pennsylvania, Mỹ. Ông là thành viên của Hiệp hội các nhà phân tích tài chính (CFA) và là thành viên của cộng đồng CFA Mỹ.

Bà **ĐOÀN HỒNG NHUNG**
Thành viên Hội đồng Thành viên

Bà Đoàn Hồng Nhung được bổ nhiệm làm Thành viên Hội đồng Thành viên của VCBF vào tháng 4 năm 2024. Trước đó, bà Nhung giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên của VCBF từ tháng 4 năm 2022.

Hiện nay, bà Nhung giữ chức vụ Giám đốc Khối Bán lẻ của VCB.

Bà Nhung có bằng Cử nhân Đại học Ngoại Thương Hà Nội, Thạc sĩ Trường Đại học Tổng hợp Konstanz, CHLB Đức.

Ông **CHRISTIAN BUCARO**
Thành viên Hội đồng Thành viên

Ông Christian trở thành Thành viên Hội đồng Thành viên từ tháng 6 năm 2023.

Hiện ông là Giám đốc bộ phận Quản lý Gia sản của Franklin Templeton Investments. Trước khi giữ vị trí này, ông làm Giám đốc Điều hành khu vực Singapore tại BNP Paribas Asset Management.

Ông Christian tốt nghiệp Thạc sĩ Quản lý đầu tư của trường Cass Business, Vương quốc Anh.

Bà **PHẠM THANH HUYỀN**
Thành viên Hội đồng Thành viên, Phó Tổng Giám đốc

Bà Phạm Thanh Huyền được bổ nhiệm làm Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc VCBF vào tháng 8/2025.

Bà Huyền có bằng Cử nhân kinh tế tại Đại học Ngoại thương Hà Nội, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Chương trình đào tạo sau đại học của Đại học Nam California (Mỹ) và Đại học Bách Khoa Hà Nội. Bà hiện là thành viên Hiệp hội Kế toán kiểm toán công chứng quốc tế ACCA và Hiệp hội Kiểm toán nội bộ công chứng quốc tế IIA.

BAN ĐIỀU HÀNH

Bà **NGUYỄN THỊ HẰNG NGA, CFA**
Tổng Giám đốc

Bà Nga được bổ nhiệm làm Tổng Giám Đốc VCBF từ tháng 4 năm 2024. Trước đó, bà đảm nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc Đầu tư của VCBF từ tháng 3 năm 2022, chịu trách nhiệm giám sát các hoạt động marketing và đầu tư của VCBF.

Bà được bổ nhiệm là Giám đốc Đầu tư từ tháng 7 năm 2018, Bà giám sát toàn bộ hoạt động đầu tư cổ phiếu và là thành viên Hội đồng Đầu tư phê duyệt các khoản đầu tư trái phiếu của VCBF. Bà tham gia quản lý danh mục đầu tư tổ chức lớn nhất của VCBF và là một trong những thành viên của ban điều hành các quỹ mở VCBF kể từ khi thành lập quỹ đầu tiên vào năm 2013.

Bà Nga có bằng Thạc sĩ Thương mại (Cao cấp) với hai chuyên ngành là Tài chính Ứng dụng và Kế toán Chuyên nghiệp của trường Đại học Queensland, Úc. Bà cũng có bằng Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán và Kiểm toán, trường Đại học Kinh tế quốc dân và là thành viên Hiệp hội các nhà phân tích tài chính (CFA).

Bà **PHẠM THANH HUYỀN**
Thành viên Hội đồng Thành viên, Phó Tổng Giám đốc

Bà Phạm Thanh Huyền được bổ nhiệm làm Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc VCBF vào tháng 8/2025.

Trước đó, bà Huyền là Trưởng phòng Giám sát hoạt động tại Trụ sở chính Vietcombank.

Với 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, bà đã nhận được nhiều khen thưởng cho các thành tích xuất sắc trong công việc như bằng khen của Thống đốc NHNN, chiến sỹ thi đua cấp ngành ngân hàng, bằng khen của Chủ tịch HĐQT VCB và Tổng Giám đốc VCB.

Bà Huyền có bằng Cử nhân kinh tế tại Đại học Ngoại thương Hà nội, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Chương trình đào tạo sau đại học của Đại học Nam California (Mỹ) và Đại học Bách Khoa Hà Nội.

Bà Huyền hiện là thành viên Hiệp hội Kế toán kiểm toán công chứng quốc tế ACCA và Hiệp hội Kiểm toán nội bộ công chứng quốc tế IIA.

SỨ MỆNH

Góp phần thay đổi thói quen đầu tư của người Việt

TẦM NHÌN

Cùng Ngân hàng mẹ Vietcombank trở thành đối tác quản lý tài sản tin cậy của mọi gia đình Việt.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Đồng hành cùng xây dựng thịnh vượng

Khi thu nhập của người dân Việt Nam tiếp tục cải thiện, nhu cầu đầu tư, gia tăng tài sản ngày càng rõ nét. Tuy nhiên, việc phân bổ tài sản một cách hiệu quả và tiếp cận các giải pháp đầu tư bài bản vẫn còn là thách thức đối với hầu hết các nhà đầu tư. Trên cơ sở đó, chúng tôi định hướng đóng vai trò là cầu nối, giúp khách hàng xây dựng nền tảng đầu tư bền vững và hình thành thói quen tài chính dài hạn.

VCBF đã phát triển chuỗi sản phẩm phục vụ đa dạng nhu cầu của các cá nhân và hộ gia đình Việt Nam trên hành trình tích lũy và tăng trưởng tài sản. Danh mục sản phẩm quỹ mở của VCBF đã được xây dựng tương đối đầy đủ, đáp ứng các mức độ chấp nhận rủi ro khác nhau, từ chiến lược an toàn đến định hướng tăng trưởng. VCBF hướng tới cùng Ngân hàng mẹ Vietcombank trở thành đơn vị quản lý tài sản tin cậy của mọi gia đình Việt, theo đó mỗi gia đình Việt hướng đến có ít nhất một sản phẩm tiết kiệm, đầu tư trong hệ sinh thái Vietcombank.

Trong thời gian tới, chúng tôi sẽ tiếp tục mở rộng và hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu ngày càng đa dạng và chuyên biệt của khách hàng, với mục tiêu cuối cùng nhằm giúp người dân xây dựng, bảo toàn và phát triển tài sản bền vững và lâu dài.

Lấy khách hàng làm trọng tâm trong mọi hoạt động

Chúng tôi ý thức rõ rằng niềm tin của khách hàng là nền tảng cho sự phát triển bền vững của VCBF. Vì vậy, mọi quyết định đầu tư và định hướng vận hành đều được xây dựng với mục tiêu tối ưu hóa lợi ích lâu dài cho khách hàng. Đội ngũ đầu tư luôn kiên định theo đuổi kỷ luật và sự thận trọng, nhằm gia tăng giá trị tài sản một cách bền vững cho nguồn vốn mà khách hàng tin tưởng giao phó.

Song song đó, VCBF sẽ tiếp tục mở rộng hệ thống phân phối và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, hướng đến việc đơn giản hóa trải nghiệm đầu tư, giúp khách hàng tiếp cận các sản phẩm quỹ một cách thuận tiện, minh bạch và hiệu quả.

Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp

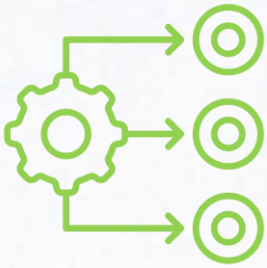

Trong lĩnh vực quản lý tài sản, uy tín và niềm tin luôn là yếu tố cốt lõi. Chúng tôi cam kết duy trì các chuẩn mực cao về tính minh bạch, trung thực và chính trực trong mọi hoạt động. Mỗi quyết định đều được cân nhắc thận trọng, đặt lợi ích của khách hàng lên trên hết và hạn chế tối đa các xung đột lợi ích có thể phát sinh.

VCBF chú trọng xây dựng văn hóa làm việc chuyên nghiệp, đề cao trách nhiệm và tính tuân thủ, nhằm đảm bảo mọi hoạt động đều nhất quán với các nguyên tắc đạo đức và chuẩn mực quốc tế của ngành.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG & DÀI HẠN

01

Cùng Ngân hàng mẹ Vietcombank trở thành đối tác quản lý tài sản tin cậy của mọi gia đình Việt

01

Thành lập và quản lý hiệu quả các quỹ & danh mục đầu tư

01

Duy trì và phát triển niềm tin từ khách hàng

01

Duy trì vị thế hàng đầu của VCBF trong ngành quản lý quỹ tại Việt Nam

QUẢN TRỊ RỦI RO

Rủi ro hoạt động: Phát sinh trong quá trình tác nghiệp và cung cấp dịch vụ tại công ty. Nguyên nhân có thể do sự hạn chế từ quy trình nội bộ, do yếu tố con người trong quá trình thực hiện, do hệ thống không tương thích, do các nguyên nhân khách quan khác hoặc do các khoản lỗ trong hoạt động kinh doanh dẫn đến thiếu hụt về vốn kinh doanh gây ra thiệt hại cho công ty. Các rủi ro khác như rủi ro pháp lý, rủi ro giao dịch với người liên quan (rủi ro xảy ra giao dịch nội gián), rủi ro nhân lực.

Rủi ro thị trường: Phát sinh do những thay đổi giá trên thị trường theo chiều hướng bất lợi dưới tác động từ các nguyên nhân khách quan của thị trường như biến động trên thị trường quốc tế, biến động chỉ số thị trường, thay đổi trong chính sách vĩ mô, biến động lãi suất, lợi suất trái phiếu, tỷ giá...; hoặc phát sinh từ những hoạt động trên thị trường, ví dụ việc kết quả kinh doanh, tài chính thất vọng của một tổ chức phát hành có thể làm giảm giá cổ phiếu của tổ chức phát hành đó; hay giao dịch bán ra một khối lượng lớn chứng khoán của một cổ đông trong điều kiện thị trường mất thanh khoản cục bộ cũng có thể làm sụt giảm giá của loại chứng khoán đó.

VCBF đánh giá từng loại rủi ro và có các giải pháp quản trị với từng rủi ro. Tuy nhiên, VCBF hiểu rằng, lợi nhuận luôn gắn liền với rủi ro, nên sẽ luôn đánh giá để đảm bảo rằng với mỗi rủi ro của khoản đầu tư, lợi nhuận cần đạt được tương xứng.

Các sản phẩm đầu tư có hồ sơ lợi nhuận/rủi ro khác nhau. VCBF cung cấp thông tin minh bạch cho từng sản phẩm và luôn cảnh báo khách hàng về các rủi ro có thể có từ đầu tư đồng thời tư vấn khách hàng lựa chọn sản phẩm phù hợp với khẩu vị rủi ro của mình.

SẢN PHẨM: QUỸ MỞ

Trong bối cảnh thị trường đầu tư ngày càng biến động và phân hóa, nhu cầu về các giải pháp đầu tư chuyên nghiệp, kỷ luật và dài hạn ngày càng trở nên rõ nét. Quỹ mở tiếp tục khẳng định vai trò là một công cụ đầu tư hiệu quả, giúp nhà đầu tư tiếp cận thị trường một cách bài bản thông qua quản lý chuyên nghiệp, danh mục đa dạng và cơ chế minh bạch.

Năm 2025, khi cơ hội và rủi ro đan xen, cách tiếp cận đầu tư có chọn lọc và kiên định với mục tiêu dài hạn trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Các quỹ mở của VCBF, với triết lý đầu tư giá trị và chiến lược nhất quán, được thiết kế nhằm cân bằng giữa tăng trưởng và quản trị rủi ro, đồng hành cùng nhà đầu tư trong hành trình tích lũy và gia tăng tài sản một cách bền vững.

SẢN PHẨM: QUỸ MỞ

Tên quỹ:

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG VCBF

Viết tắt:

VCBF-MGF

Giá 1 chứng chỉ quỹ:	Tổng tài sản quản lý:	Thời gian hoạt động
14.225 VND	**866** tỷ VND	**4** năm

Chiến lược đầu tư

VCBF-MGF đầu tư đa số vào các cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường vừa, nằm trong dải vốn hóa của VNMIDCAP và tiềm năng tăng trưởng cao.

Chỉ số tham chiếu

VNMIDCAP

Phân bổ tỷ trọng

Phân bổ tỷ trọng	%/NAV
Tài chính	35,12%
Hàng hoá, dịch vụ công nghiệp	18,29%
Hàng gia dụng không thiết yếu	12,99%
Công nghệ	9,68%
Bất động sản	5,74%

5 mã chứng khoán có giá trị cao nhất

5 mã chứng khoán có giá trị cao nhất	%/NAV
STB	7,93%
MBB	7,79%
PNJ	6,52%
FPT	5,94%
MWG	5,46%

Kết quả hoạt động quỹ

	Từ đầu năm (%)	1 năm (%)	3 năm (%/năm)	5 năm (%/năm)	Từ khi thành lập (%/năm)
VCBF-MGF	6,37	6,37	21,05	-	9,07
VNMIDCAP	16,65	16,65	19,22	-	1,57

Ban điều hành quỹ

Ông **Nguyễn Triệu Vinh, CFA**

Kinh nghiệm: **18,3 năm**

Tại VCBF: **15,3 năm**

Ông **Nguyễn Duy Anh, CFA**

Kinh nghiệm: **12,5 năm**

Tại VCBF: **9,8 năm**

Ông **Phạm Lê Duy Nhân**

Kinh nghiệm: **12,0 năm**

Tại VCBF: **9,7 năm**

Lưu ý:

Dữ liệu tại ngày 31/12/2025. Lợi nhuận quá khứ không ngụ ý hoặc đảm bảo kết quả đầu tư trong tương lai.

SẢN PHẨM: QUỸ MỞ

Tên quỹ:

QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU HÀNG ĐẦU VCBF

Viết tắt:

VCBF-BCF

Giá 1 chứng chỉ quỹ:	Tổng tài sản quản lý:	Thời gian hoạt động
43.930 VND	**1.260** tỷ VND	**11,4** năm

Chiến lược đầu tư

VCBF-BCF chủ yếu đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn, lớn hơn vốn hóa của công ty nhỏ nhất của VN30, và có thanh khoản cao.

Chỉ số tham chiếu

VN100

Phân bổ tỷ trọng	%/NAV
Tài chính	41,9%
Hàng gia dụng không thiết yếu	11,2%
Hàng hoá, dịch vụ công nghiệp	9,2%
Bất động sản	8,7%
Công nghệ	8,0%

5 mã chứng khoán có giá trị cao nhất	%/NAV
MBB	7,89%
FPT	6,04%
CTG	6,01%
STB	5,89%
MWG	5,74%

Kết quả hoạt động quỹ

	Từ đầu năm (%)	1 năm (%)	3 năm (%/năm)	5 năm (%/năm)	Từ khi thành lập (%/năm)
VCBF-BCF	22,8	22,8	22,1	15,5	13,9
VN100	44,2	44,2	25,7	13,2	10,8

Ban điều hành quỹ

Ông **Nguyễn Triệu Vinh, CFA**

Kinh nghiệm: **18,3 năm**

Tại VCBF: **15,3 năm**

Ông **Phạm Lê Duy Nhân**

Kinh nghiệm: **12,0 năm**

Tại VCBF: **9,7 năm**

Lưu ý:

Dữ liệu tại ngày 31/12/2025. Lợi nhuận quá khứ không ngụ ý hoặc đảm bảo kết quả đầu tư trong tương lai.

SẢN PHẨM: QUỸ MỞ

Tên quỹ:

QUỸ ĐẦU TƯ THU NHẬP CHỦ ĐỘNG VCBF

Viết tắt:

VCBF-AIF

Giá 1 chứng chỉ quỹ:	Tổng tài sản quản lý:	Thời gian hoạt động
11.501 VND	**368** tỷ VND	**0,9** năm

Chiến lược đầu tư

VCBF-AIF đầu tư đa số vào các cổ phiếu niêm yết có tỷ suất cổ tức cao

Chỉ số tham chiếu

VN-Index

Phân bổ tỷ trọng	%/NAV
Tài chính	36,77%
Hàng hoá, dịch vụ công nghiệp	14,65%
Nguyên liệu cơ bản	9,69%
Hàng gia dụng thiết yếu	8,27%
Bất động sản	8,16%

5 mã chứng khoán có giá trị cao nhất	%/NAV
MBB	5,48%
VNM	4,95%
ACB	4,91%
FPT	4,89%
TCB	4,04%

Kết quả hoạt động quỹ

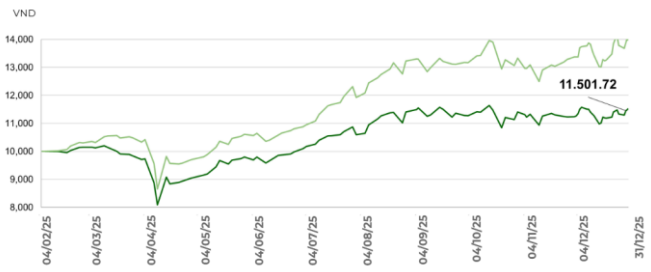

	Từ đầu năm (%)	1 năm (%)	3 năm (%/năm)	5 năm (%/năm)	Từ khi thành lập (%)
VCBF-AIF	-	-	-	-	15,0
VN-Index	-	-	-	-	41,0

Ban điều hành quỹ

Ông **Nguyễn Triệu Vinh, CFA**

Kinh nghiệm: **18,3 năm**

Tại VCBF: **15,3 năm**

Ông **Nguyễn Duy Anh, CFA**

Kinh nghiệm: **12,5 năm**

Tại VCBF: **9,8 năm**

Lưu ý:

Dữ liệu tại ngày 31/12/2025. Lợi nhuận quá khứ không ngụ ý hoặc đảm bảo kết quả đầu tư trong tương lai.

SẢN PHẨM: QUỸ MỞ

Tên quỹ:

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG CHIẾN LƯỢC VCBF

Viết tắt:

VCBF-TBF

Giá 1 chứng chỉ quỹ: **38.456** VND

Tổng tài sản quản lý: **637** tỷ VND

Thời gian hoạt động **12** năm

Chiến lược đầu tư

VCBF-TBF đầu tư 50% (±25%) vào cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hoá thị trường lớn và vừa, và tài sản có thu nhập cố định. Các khoản đầu tư bao gồm trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, hay trái phiếu của doanh nghiệp, và các loại tài sản có thu nhập cố định khác. Phân bổ tài sản của quỹ điều chỉnh dựa trên đánh giá về lợi nhuận/ rủi ro của các cơ hội đầu tư.

Chỉ số tham chiếu

Trung bình thay đổi của VN-Index và lợi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm

Kết quả hoạt động quỹ

	Từ đầu năm (%)	1 năm (%)	3 năm (%/năm)	5 năm (%/năm)	Từ khi thành lập (%/năm)
VCBF-TBF	15,82	15,82	17,65	12,50	11,85
Chỉ số tham chiếu	21,01	21,01	12,32	6,93	8,48

Phân bổ tỷ trọng	%/NAV
Tài chính	40,87%
Hàng gia dụng không thiết yếu	11,12%
Hàng hoá, dịch vụ công nghiệp	10,57%
Bất động sản	8,57%
Công nghệ	7,69%

5 mã chứng khoán có giá trị cao nhất	%/NAV
MBB	4,62%
STB	4,42%
MWG	3,67%
MML121021	3,61%
FPT	3,59%

Ban điều hành quỹ

Bà **Dương Kim Anh**
Kinh nghiệm: **25,7 năm**
Tại VCBF: **19,5 năm**

Ông **Nguyễn Triệu Vinh, CFA**
Kinh nghiệm: **18,3 năm**
Tại VCBF: **15,3 năm**

Ông **Phạm Lê Duy Nhân**
Kinh nghiệm: **12,0 năm**
Tại VCBF: **9,7 năm**

Lưu ý:

Dữ liệu tại ngày 31/12/2025. Lợi nhuận quá khứ không ngụ ý hoặc đảm bảo kết quả đầu tư trong tương lai.

SẢN PHẨM: QUỸ MỞ

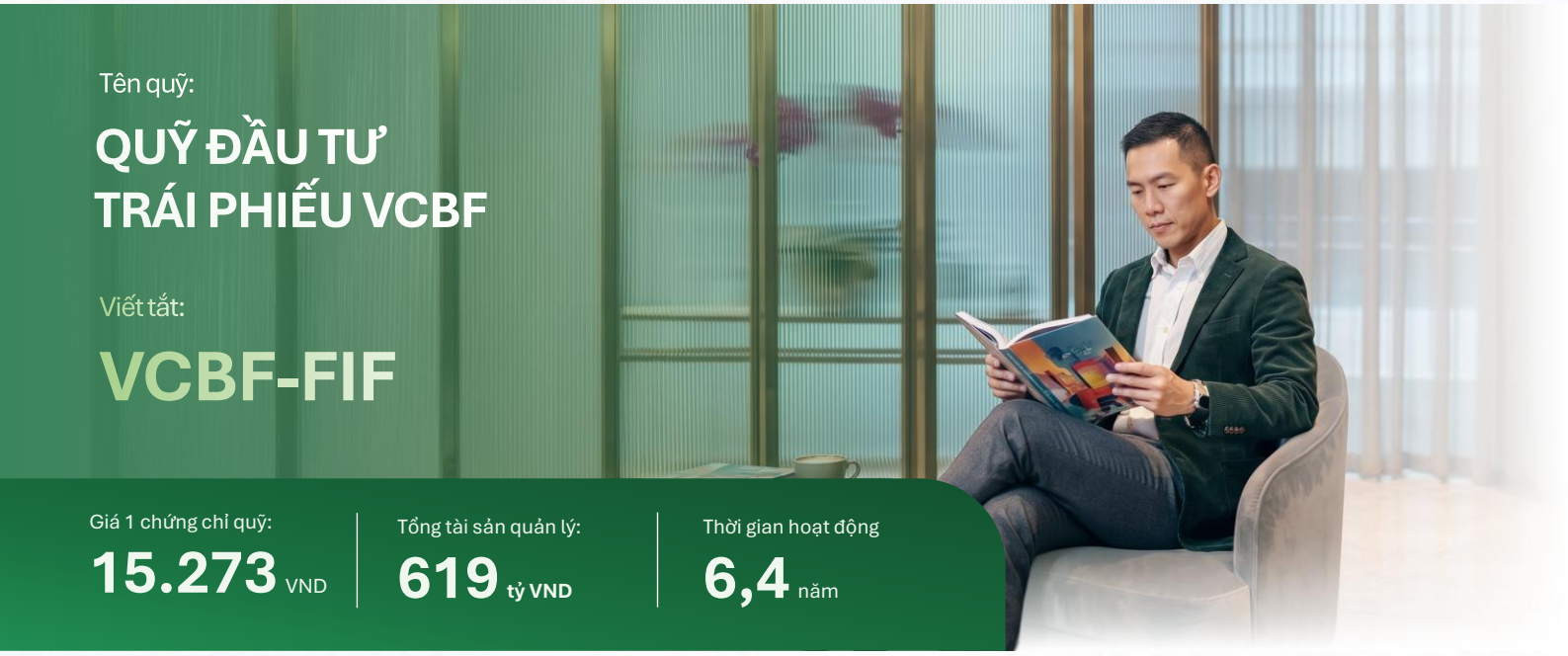

Tên quỹ:

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VCBF

Viết tắt:

VCBF-FIF

Giá 1 chứng chỉ quỹ:	Tổng tài sản quản lý:	Thời gian hoạt động
15.273 VND	**619** tỷ VND	**6,4** năm

Chiến lược đầu tư

VCBF-FIF đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được bảo lãnh bởi Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu doanh nghiệp có chất lượng tín dụng cao.

Chỉ số tham chiếu

Lợi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm

5 mã chứng khoán có giá trị cao nhất	*%/NAV*
MSN123008	12,07%
TNG124027	9,65%
VHM121025	7,83%
MML121021	5,19%
BCM12406	5,09%

Kết quả hoạt động quỹ

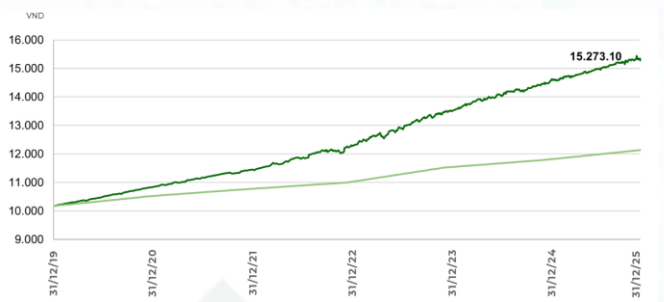

	Từ đầu năm (%)	1 năm (%)	3 năm (%/năm)	5 năm (%/năm)	Từ khi thành lập (%/năm)
VCBF-FIF	5,60	5,60	7,61	7,11	6,84
Chỉ số tham chiếu	3,03	3,03	3,40	2,94	3,12

Ban điều hành quỹ

Bà **Dương Kim Anh**

Kinh nghiệm: **25,7 năm**

Tại VCBF: **19,5 năm**

Ông **Nguyễn Duy Anh, CFA**

Kinh nghiệm: **12,5 năm**

Tại VCBF: **9,8 năm**

Lưu ý:

Dữ liệu tại ngày 31/12/2025. Lợi nhuận quá khứ không ngụ ý hoặc đảm bảo kết quả đầu tư trong tương lai.

SẢN PHẨM: QUỸ HƯU TRÍ

Trong bối cảnh Việt Nam đang bước vào giai đoạn già hóa dân số với tốc độ nhanh, áp lực ngày càng lớn lên hệ thống bảo hiểm xã hội truyền thống, nhu cầu về các giải pháp tích lũy tài chính dài hạn mang tính chủ động trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Mô hình an sinh đa tầng, trong đó quỹ hưu trí tự nguyện đóng vai trò là trụ cột bổ sung, đang dần hình thành và được khuyến khích phát triển nhằm đảm bảo chất lượng cuộc sống cho người lao động sau khi nghỉ hưu.

Trong bối cảnh đó, quỹ hưu trí tự nguyện của VCBF tiếp tục được định vị là giải pháp tích lũy dài hạn hiệu quả, kết hợp giữa kỷ luật đầu tư, quản lý chuyên nghiệp và khả năng tối ưu hóa lợi nhuận theo chu kỳ thị trường. Sản phẩm không chỉ giúp người lao động chủ động xây dựng nguồn tài chính cho tương lai, mà còn hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao chính sách phúc lợi, gia tăng sự gắn kết và giữ chân nhân sự trong dài hạn.

Với tầm nhìn dài hạn, quỹ hưu trí của VCBF không chỉ đơn thuần là một sản phẩm đầu tư, mà còn là một giải pháp tài chính mang tính chiến lược, góp phần thúc đẩy văn hóa tiết kiệm – đầu tư bền vững trong xã hội, đồng thời đóng góp vào sự phát triển ổn định của thị trường vốn Việt Nam.

SẢN PHẨM: QUỸ HƯU TRÍ

QUỸ HƯU TRÍ CÂN BẰNG VCBF

VCBF-CB

Mục tiêu đầu tư	Cân bằng giữa tăng trưởng lợi nhuận dài hạn và bảo toàn giá trị tài sản của tài khoản hưu trí.
Mức độ rủi ro	Trung bình
Lợi nhuận kỳ vọng (***) (sau khi trừ các loại phí)	7,5%
Tài sản đầu tư	Trái phiếu chính phủ Chứng chỉ quỹ đầu tư cổ phiếu VCBF

QUỸ HƯU TRÍ BẢO TOÀN VCBF

VCBF-BT

Mục tiêu đầu tư	Bảo toàn vốn ban đầu, mang lại thu nhập thường xuyên kết hợp với gia tăng giá trị tài sản tài khoản quỹ hưu trí.
Mức độ rủi ro	Thấp
Lợi nhuận kỳ vọng (***) (sau khi trừ các loại phí)	6,3%
Tài sản đầu tư	Trái phiếu chính phủ Chứng chỉ quỹ đầu tư cổ phiếu VCBF Chứng chỉ quỹ đầu tư trái phiếu VCBF

Lưu ý:

(***) Lợi nhuận kỳ vọng được ước tính dựa trên lợi nhuận quá khứ và không hàm ý hay đảm bảo lợi nhuận tương lai

SẢN PHẨM: QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ

Dịch vụ quản lý danh mục đầu tư của VCBF hướng đến các khách hàng cá nhân và tổ chức có nhu cầu quản lý tài sản ở mức độ chuyên sâu, với cách tiếp cận kỷ luật và dài hạn.

Mỗi danh mục được thiết kế riêng, phù hợp với mục tiêu tài chính, khẩu vị rủi ro và thời gian nắm giữ, cùng với đánh giá về triển vọng thị trường trong dài hạn

VCBF quản lý danh mục theo quy trình đầu tư chặt chẽ, đồng thời duy trì cơ chế báo cáo minh bạch, giúp khách hàng theo dõi hiệu quả và đồng hành xuyên suốt trong quá trình đầu tư.

SẢN PHẨM: QUẢN LÝ DANH MỤC

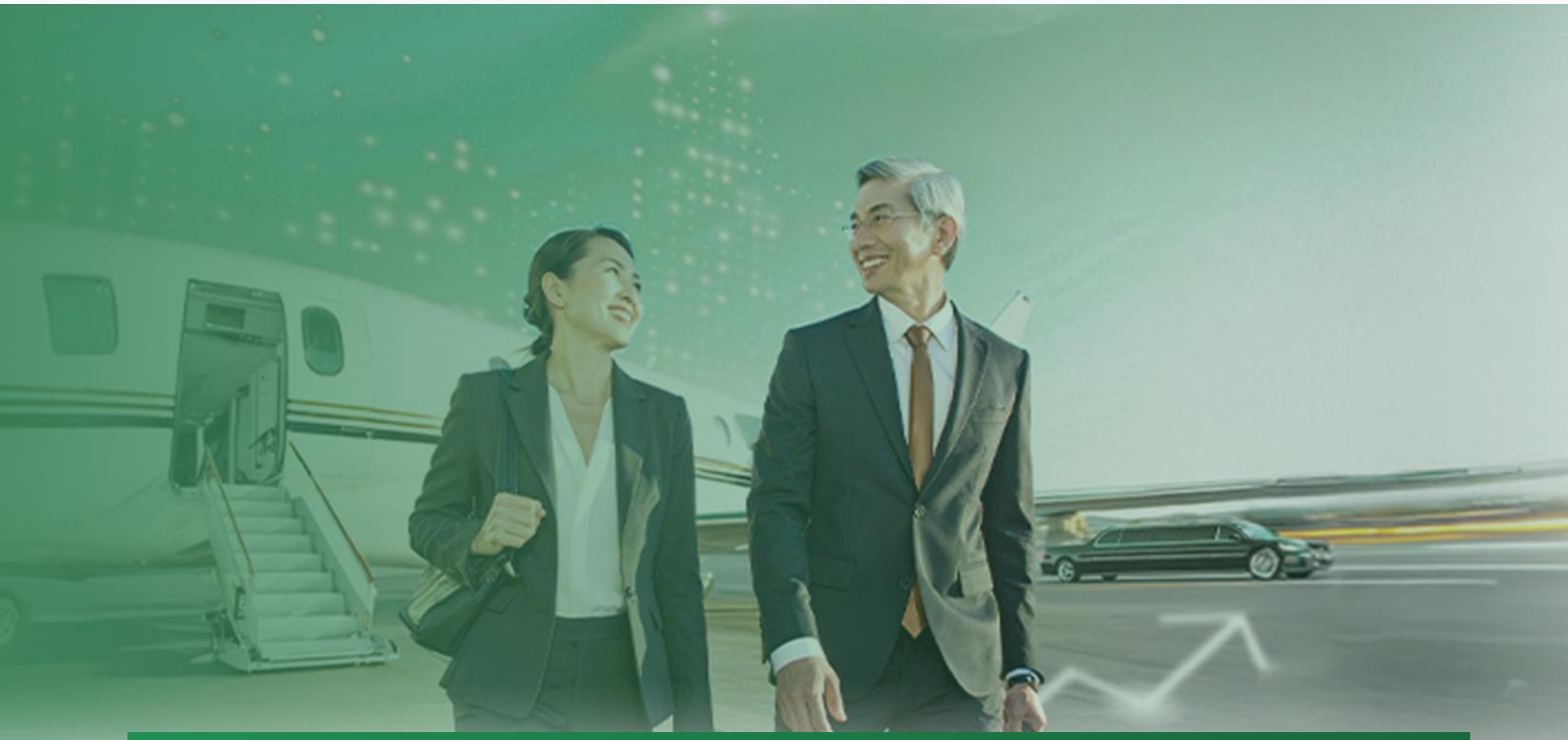

Mục tiêu đầu tư	Thiết kế danh mục đầu tư riêng biệt theo nhu cầu từng nhà đầu tư (cá nhân/tổ chức), nhằm tối ưu hóa lợi nhuận trên cơ sở mục tiêu tài chính và khẩu vị rủi ro.
Mức độ rủi ro	Linh hoạt theo từng mandate, được xác định dựa trên thỏa thuận với nhà đầu tư; Lợi nhuận có thể tham chiếu các chỉ số như lãi suất tiết kiệm, VN-Index, VN100...
Chiến lược đầu tư	Mua và nắm giữ một danh mục đầu tư đa dạng, tập trung vào: • Doanh nghiệp có ban lãnh đạo chính trực, tài năng, chiến lược rõ ràng • Công ty đầu ngành hoặc có vị thế cạnh tranh bền vững • Nền tảng tài chính vững mạnh, quản trị minh bạch • Có khả năng tăng trưởng lợi nhuận và dòng tiền bền vững • Định giá hợp lý
Khách hàng lớn	AIA, FWD, VINARE, PJICO, Hanwha Life

Chương II

Tình hình hoạt động trong năm

25 Thị trường trong năm 2025

26 Chiến lược đầu tư trong năm 2025

27 Các dấu ấn trong năm 2025

30 Tình hình tài chính

33 Báo cáo tác động môi trường và xã hội

33 Báo cáo trách nhiệm với cộng đồng địa phương

KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2025

Tăng trưởng GDP cả năm 2025 đạt 8,02%, cải thiện đáng kể so với mức 7,04% năm 2024. Kết quả tích cực này được củng cố bởi tăng trưởng cao của khu vực công nghiệp, sự mở rộng liên tục của khu vực dịch vụ và đà tăng tốc của hoạt động đầu tư.

Khu vực Công nghiệp & Xây dựng tăng 9,0% so với cùng kỳ, được dẫn dắt bởi ngành Chế biến & Chế tạo với mức tăng 10,0% — cao nhất kể từ năm 2018. Ngành Xây dựng ghi nhận mức tăng 9,6% — cao nhất trong 9 năm — nhờ thị trường bất động sản khởi sắc và đầu tư công tăng tốc mạnh mẽ.

Khu vực Dịch vụ tiếp tục đà phục hồi mạnh mẽ với mức tăng 8,6%, đóng góp 51,1% vào tổng mức tăng trưởng GDP. Du lịch tiếp tục là động lực tăng trưởng quan trọng, với lượng khách nước ngoài đến Việt Nam tăng 20,4%, tạo ra doanh thu 15,2 tỷ USD. Tuy vậy, ngành bán lẻ năm 2025 tiếp tục tăng trưởng dưới mức kỳ vọng, một phần do biến động vĩ mô, địa chính trị toàn cầu ảnh hưởng đến tâm lý người tiêu dùng, một phần do điều kiện thời tiết bất lợi trong quý 4 gây gián đoạn hoạt động tiêu dùng.

Đầu tư công phục hồi mạnh mẽ, với giá trị giải ngân lũy kế năm 2025 tăng 37,5% và đạt 94,8% kế hoạch năm. Giải ngân FDI cũng tích cực khi tăng 9,0%. Ngược lại, vốn đăng ký FDI chỉ tăng nhẹ 0,5% do thiếu các dự án lớn, dù số lượng dự án cấp mới tăng 20,1%.

Lạm phát trung bình năm 2025 ở mức 3,3%, thấp hơn mức 3,6% năm 2024 và dưới giới hạn 4,0–4,5% của Chính phủ, chủ yếu nhờ giá lương thực-thực phẩm ổn định và giá xăng giảm 8,5%, từ đó hạn chế tác động tăng chi phí thuê nhà và giá dịch vụ y tế.

Tỷ giá USD/VND tăng 3,2% trong năm 2025 trong bối cảnh vĩ mô toàn cầu biến động do chính sách thuế quan Mỹ và xung đột địa chính trị. Áp lực tỷ giá đã giảm bớt trong Quý 4 khi Fed ba lần giảm lãi suất cơ bản, mỗi lần 25 điểm phần trăm.

Các yếu tố giúp giảm áp lực tỷ giá trong thời gian tới:

- Xuất khẩu hàng hóa duy trì đà tăng trưởng tích cực nhờ Việt Nam tiếp tục mở rộng thị phần.
- Dòng vốn FDI giải ngân ổn định khi Việt Nam hưởng lợi từ xu hướng đa dạng hóa chuỗi cung ứng toàn cầu
- Triển vọng nâng hạng thị trường chứng khoán được kỳ vọng sẽ đảo ngược xu hướng bán ròng của khối ngoại.
- Nguồn cung ngoại tệ từ kiều hối và khách du lịch quốc tế tiếp tục tăng trưởng ổn định.
- Chính phủ đang tăng cường quản lý thị trường vàng, giúp hạn chế tình trạng chảy máu ngoại tệ từ hoạt động nhập lậu vàng.

Lãi suất: Trong nửa đầu năm 2025, mặt bằng lãi suất duy trì ổn định ở mức thấp trong bối cảnh thanh khoản dồi dào. Tuy nhiên sang Quý 3, thanh khoản có dấu hiệu suy giảm, từ đó đã buộc nhiều ngân hàng phải tăng lãi suất tiền gửi từ cuối tháng 9/2025 nhằm huy động nguồn vốn đáp ứng nhu cầu tín dụng đang tăng nhanh. Các yếu tố giúp lãi suất ổn định trong thời gian tới:

- Mặt bằng lãi suất huy động đã tăng đáng kể, khiến tiền gửi ngân hàng trở nên hấp dẫn hơn so với các kênh đầu tư thay thế — đặc biệt là vàng. Từ đó sẽ giúp việc huy động tiền gửi của các NHTM tích cực trở lại.
- NHNN tập trung quản lý chất lượng tín dụng, hạn chế dòng vốn vào các lĩnh vực mang tính đầu cơ.

Diễn biến nổi bật năm 2025

Chính quyền Tổng thống Donald Trump công bố chính sách thuế quan đối ứng làm ảnh hưởng đến thương mại toàn cầu. Thuế đối ứng ban đầu áp lên Việt Nam ở mức rất cao 46%, tuy nhiên sau đó đã giảm xuống 20%, nhờ các nỗ lực ngoại giao và đàm phán của Chính phủ. Bất chấp các bất ổn từ chính sách thương mại của Hoa Kỳ, xuất khẩu hàng hóa của nước ta tăng tốc lên 17,0% trong năm 2025 từ 14,4% năm 2024.

Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP từ 10% trở lên trong giai đoạn 2026–2030, với ba trụ cột động lực chính: đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng chiến lược, nâng cấp chuỗi giá trị công nghiệp theo hướng gia tăng hàm lượng công nghệ, và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm cải thiện năng suất lao động. Để hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng hai con số, Chính phủ đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, bao gồm (i) tinh gọn bộ máy quản lý (ii) cải cách thể chế và hệ thống pháp lý để thúc đẩy đầu tư (iii) ban hành các chính sách hỗ trợ kinh tế tư nhân, khuyến khích phát triển khoa học kỹ thuật và tăng cường chất lượng nguồn nhân lực.

Năm 2025, Chính phủ và các cơ quan quản lý triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm phát triển thị trường vốn và thị trường quỹ:

Giải pháp nâng hạng thị trường chứng khoán: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã thực hiện hàng loạt cải cách pháp lý và nâng cấp hạ tầng giao dịch để thúc đẩy việc nâng hạng Việt Nam lên Thị trường Mới nổi Thứ cấp bởi FTSE Russell.

Nâng cao vị thế và tính kết nối của thị trường tài chính: Quốc hội ban hành Nghị quyết 222/2025/QH15 vào tháng 6/2025 tạo khung pháp lý cho Trung tâm Tài chính Quốc tế, và đến tháng 12/2025 Chính phủ chính thức thành lập Trung tâm theo mô hình "một trung tâm, hai điểm đến" tại TP. Hồ Chí Minh và TP. Đà Nẵng, hướng tới xây dựng hệ sinh thái dịch vụ tài chính đạt chuẩn quốc tế.

Ngày 12/9/2025, Bộ Tài chính ban hành Quyết định 3168 phê duyệt Đề án Tái cấu trúc Nhà đầu tư và phát triển ngành quỹ đầu tư tại Việt Nam với một loạt giải pháp được đề xuất nhằm phát triển ngành quỹ.

CHIẾN LƯỢC VÀ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ NĂM 2025

VCBF kiên định với chiến lược đầu tư giá trị và dài hạn và lựa chọn các doanh nghiệp sở hữu lợi thế cạnh tranh bền vững, mô hình kinh doanh có khả năng mở rộng, cùng đội ngũ lãnh đạo chất lượng và quan tâm đến lợi ích của cổ đông và có sức khỏe tài chính lành mạnh.

Cụ thể về ngành, các quỹ cổ phiếu và cân bằng của VCBF tiếp tục đầu tư vào các doanh nghiệp tốt trong các ngành được hưởng lợi từ triển vọng tăng trưởng kinh tế trong dài hạn ở Việt Nam bao gồm các cổ phiếu ngân hàng và dịch vụ tài chính, cổ phiếu của các doanh nghiệp bán lẻ hiện đại và các cổ phiếu của các công ty liên quan đến đầu tư công bao gồm xây dựng và vật liệu xây dựng.

Đối với quỹ VCBF-AIF là quỹ VCBF mới thành lập vào tháng 2/2025 và có chiến lược đầu tư vào các doanh nghiệp trả cổ tức bằng tiền cao, VCBF tập trung đầu tư vào các doanh nghiệp có lịch sử trả cổ tức bằng tiền đều đặn, có lợi nhuận và dòng tiền với tính ổn định cao và ít vay nợ. Quỹ VCBF-AIF cũng tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp trả cổ tức cao và có khả năng tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận tốt trong trung và dài hạn.

Trong năm 2025, các danh mục cổ phiếu của VCBF tiếp tục duy trì tính đa dạng cao bao gồm khoảng 30 đến 40 công ty. Chiến lược này tiếp tục giúp các danh mục cổ phiếu của VCBF giảm thiểu rủi ro tập trung.

Một phương pháp quản trị rủi ro nữa mà VCBF tiếp tục áp dụng hiệu quả trong năm 2025 là chỉ đầu tư và nắm giữ các cổ phiếu ở mức định giá hấp dẫn hoặc hợp lý so với giá trị thực của doanh nghiệp. Khi cổ phiếu tăng giá và vượt giá trị thực của doanh nghiệp, VCBF sẽ cân nhắc thoái vốn và xem xét tái đầu tư vào cổ phiếu khác có tiềm năng tăng giá hấp dẫn hơn. Do đó, chỉ số P/E trung bình của các danh mục cổ phiếu của các quỹ VCBF đều thấp hơn đáng kể so với chỉ số P/E của danh mục tham chiếu (vào thời điểm cuối năm 2025):

- VCBF-TBF: 12,3x so với 15,8x của chỉ số tham chiếu VN-Index
- VCBF-BCF: 12,5x so với 14,9x của chỉ số tham chiếu VN100
- VCBF-MGF: 12,0x so với 14,5x của chỉ số tham chiếu VN70
- VCBF-AIF: 11,7x so với 15,8x của chỉ số tham chiếu VN-Index

Chỉ số VN-Index tăng mạnh 40,9% trong năm 2025 nhưng phần lớn mức tăng này đến từ một số ít các cổ phiếu vốn hóa lớn, đặc biệt là hai cổ phiếu VIC và VHM trong ngành Bất Động sản.

Các quỹ cổ phiếu và cân bằng của VCBF, cũng như hầu hết các quỹ mở có chiến lược đầu tư chủ động trên thị trường, có hiệu suất đầu tư thấp hơn so với các chỉ số tham chiếu trong năm 2025. Tuy nhiên, các quỹ cổ phiếu và cân bằng của VCBF đạt hiệu suất đầu tư khả quan về mặt tuyệt đối và có thứ hạng cao so với các quỹ mở khác trên thị trường. Cụ thể:

- Quỹ VCBF-TBF đạt lợi nhuận 15,8% và là quỹ có hiệu suất tốt nhất trong nhóm quỹ cân bằng trong năm 2025.
- Quỹ VCBF-AIF đạt lợi nhuận 15,0% từ khi thành lập vào tháng 2/2025.
- Quỹ VCBF-BCF đạt lợi nhuận 22,8% và nằm trong top 10 quỹ mở cổ phiếu có kết quả tốt nhất trên thị trường trong năm 2025.

Quan trọng hơn, tính đến thời điểm cuối năm 2025, các quỹ cổ phiếu và cân bằng của VCBF (ngoại trừ quỹ VCBF-AIF mới được thành lập trong năm 2025) duy trì hiệu suất vượt trội so với danh mục tham chiếu tính từ ngày thành lập:

- Quỹ VCBF-TBF đạt lợi nhuận kép là 11,9%/năm, vượt trội 3,5%/năm so với danh mục tham chiếu tính từ ngày thành lập.
- Quỹ VCBF-BCF đạt lợi nhuận kép là 13,9%/năm, vượt trội 2,9%/năm so với chỉ số tham chiếu tính từ ngày thành lập.
- Quỹ VCBF-MGF đạt lợi nhuận kép là 9,1%/năm, vượt trội 7,5%/năm so với chỉ số tham chiếu tính từ ngày thành lập.

CÁC DẤU ẤN TRONG NĂM 2025

Thành lập Quỹ đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF (VCBF-AIF)

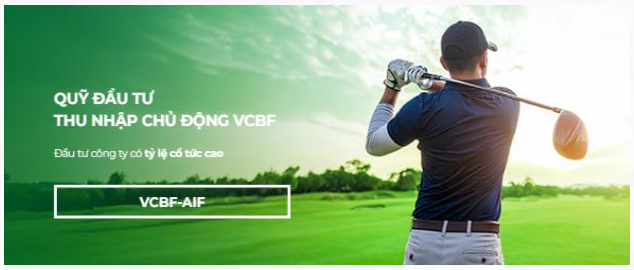

Chính thức vận hành từ tháng 02/2025 sau giai đoạn IPO thành công, VCBF-AIF đánh dấu bước ngoặt khi mang chiến lược tập trung cổ phiếu cổ tức cao – vốn đã khẳng định hiệu quả tại các tổ chức lớn – áp dụng cho khách hàng cá nhân. Chỉ trong năm đầu tiên, quỹ ghi nhận tỷ suất lợi nhuận 15% (tính đến 31/12/2025). Kết quả này không chỉ chứng minh sức hấp dẫn của dòng sản phẩm thu nhập chủ động mà còn khẳng định năng lực của VCBF trong việc tối ưu hóa lợi nhuận bền vững cho nhà đầu tư đại chúng.

Quỹ VCBF-TBF tiếp tục đứng đầu thị trường

VCBF-TBF khẳng định vị thế dẫn đầu khi là Quỹ cân bằng có lợi nhuận cao nhất năm 2025 với mức sinh lời 15,83%, đây là năm thứ hai liên tiếp quỹ đạt danh hiệu này. Không chỉ tỏa sáng trong ngắn hạn, quỹ còn giữ vững hiệu suất đứng đầu thị trường ở mốc 5 năm với mức tăng trưởng tích lũy 80,19%. Nhờ chiến lược phân bổ 50/50 (+/-25%) linh hoạt giữa cổ phiếu và tài sản thu nhập cố định, VCBF-TBF là giải pháp tối ưu cho mục tiêu: Tăng trưởng dài hạn - Rủi ro thấp hơn cổ phiếu.

Tăng tần suất giao dịch

Trước sự gia tăng mạnh mẽ về số lượng nhà đầu tư và nhu cầu thị trường trong năm 2025, VCBF đã thực hiện bước đi chiến lược: nâng tần suất giao dịch từ 2 phiên/tuần lên hàng ngày cho các quỹ có danh mục cổ phiếu. Việc chuyển đổi này giúp tối ưu hóa tính linh hoạt, tăng thanh khoản của quỹ. Đây là minh chứng cho năng lực vận hành hiện đại và cam kết lấy khách hàng làm trọng tâm, khẳng định vị thế của VCBF trong cung cấp dịch vụ quản lý quỹ chuyên nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế.

Chuyển tiền đầu tư bằng QR Code trên VCBF Mobile

Năm 2025, VCBF nâng tầm dịch vụ số với tính năng quét mã QR chuyển tiền đầu tư tích hợp trực tiếp trên ứng dụng VCBF Mobile. Giải pháp này giúp nhà đầu tư thanh toán lệnh mua tức thì, loại bỏ sai sót do nhập liệu thủ công và tối ưu hóa tốc độ giao dịch, đồng thời thể hiện định hướng nâng cấp trải nghiệm nhà đầu tư.

CÁC DẤU ẤN TRONG NĂM 2025

Chuyển đổi toàn bộ sang eKYC, loại bỏ yêu cầu hồ sơ bản cứng

VCBF đã chuyển đổi toàn bộ quy trình định danh sang eKYC trên VCBF Mobile, cho phép khách hàng hoàn tất đăng ký mà không cần hồ sơ bản cứng. Đây không chỉ là bước số hóa thủ tục, mà còn là cách tái thiết trải nghiệm đầu tư theo hướng liền mạch và tức thời hơn.

Việc loại bỏ rào cản giấy tờ giúp tiết kiệm chi phí cho khách hang, đồng thời, mở rộng khả năng tiếp cận cho khách hàng ở mọi khu vực, giảm phụ thuộc vào điểm giao dịch vật lý. Trên nền tảng đó, VCBF vừa nâng cao tính tiện lợi, vừa duy trì tiêu chuẩn tuân thủ và bảo mật, tạo nền tảng cho một hành trình đầu tư linh hoạt và hiệu quả hơn.

Phân phối lợi nhuận hai đối tác Vietcombank và Franklin Templeton

VCBF tiến hành phân phối 150 tỷ đồng lợi nhuận cho hai đối tác liên doanh là Vietcombank và Franklin Templeton. Hoạt động này phản ánh năng lực vận hành hiệu quả và nền tảng tài chính vững chắc, đồng thời khẳng định khả năng tạo ra giá trị dài hạn cho các cổ đông chiến lược.

Tổ chức IGM trực tiếp sau 5 năm

Sau 5 năm tổ chức trực tuyến kể từ Covid 19, VCBF đã chính thức quay trở lại tổ chức hình thức Đại hội Nhà đầu tư (IGM) trực tiếp và trực tuyến. Sự kiện diễn ra ngày 08/05 tại Hà Nội, đánh dấu một cột mốc quan trọng trong việc tăng cường kết nối với nhà đầu tư. Chương trình thu hút hàng trăm khách mời, bao gồm cả nhà đầu tư cá nhân và tổ chức. Đây không chỉ là dịp cập nhật tình hình hoạt động của các quỹ, mà còn tạo cơ hội trao đổi, đối thoại trực tiếp giữa nhà đầu tư và đội ngũ quản lý quỹ.

Tổ chức thành công sự kiện kỷ niệm 20 năm thành lập

Nhân dịp kỷ niệm 20 năm, VCBF đã triển khai chuỗi hoạt động đa dạng trước, trong và sau sự kiện, hướng tới nhà đầu tư, đối tác Vietcombank cũng như nội bộ công ty. Các chương trình được tổ chức đồng bộ, góp phần tăng cường kết nối, lan tỏa dấu ấn thương hiệu và tri ân các bên đồng hành. Khép lại hành trình là đêm gala trang trọng và giàu cảm xúc, đánh dấu cột mốc ý nghĩa trong chặng đường phát triển của VCBF, đồng thời mở ra định hướng mới cho giai đoạn tiếp theo.

CÁC DẤU ẤN TRONG NĂM 2025

Tiếp tục mở rộng đại lý phân phối

Tiếp tục mở rộng mạng lưới phân phối, VCBF đã bổ sung thêm bốn đại lý phân phối mới trong năm qua, qua đó nâng cao khả năng tiếp cận sản phẩm quỹ đến đông đảo nhà đầu tư. Việc gia tăng số lượng đối tác không chỉ giúp mở rộng độ phủ trên thị trường mà còn góp phần đa dạng hóa kênh phân phối, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho nhà đầu tư trong việc tiếp cận các giải pháp đầu tư của VCBF.

Tích cực đào tạo, nâng cao hiểu biết nhà đầu tư

Trong năm qua, VCBF tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động marketing và nâng cao hiểu biết của nhà đầu tư thông qua nhiều kênh truyền thông khác nhau. Đội ngũ Giám đốc Quản lý Danh mục đóng vai trò chủ chốt khi thường xuyên tham gia chia sẻ trên báo chí, hội thảo và các nền tảng trực tuyến, nhằm cập nhật kết quả hoạt động của quỹ, cung cấp góc nhìn về triển vọng kinh tế – thị trường, cũng như nhấn mạnh tầm quan trọng của đầu tư dài hạn. Thông qua cách tiếp cận nhất quán và có chọn lọc, các hoạt động này góp phần củng cố niềm tin và hỗ trợ nhà đầu tư đưa ra quyết định một cách bài bản và bền vững.

Tham gia xây dựng chính sách ngành quỹ

Là một trong những công ty quản lý quỹ hàng đầu trên thị trường, VCBF tích cực tham gia đóng góp ý kiến xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý cho nhiều đề án và văn bản quan trọng, bao gồm Đề án tái cấu trúc cơ sở nhà đầu tư và phát triển ngành quỹ, Thông tư 136/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư 98/2020/TT-BTC về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, cũng như dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 88/2016/NĐ-CP về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện. Thông qua các hoạt động này, VCBF góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững, minh bạch và chuyên nghiệp của thị trường quản lý quỹ tại Việt Nam.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tài sản quản lý (AUM)

Đơn vị: tỷ VND

▲ 32%

Tổng giá trị tài sản

Đơn vị: VND

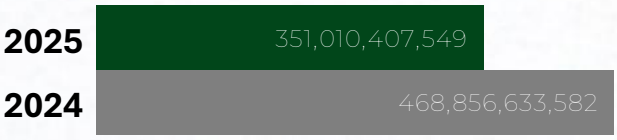

▼ 25%

Thuế và các khoản phải nộp

Đơn vị: VND

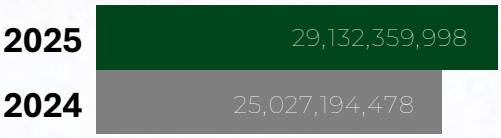

▲ 16%

Doanh thu

Đơn vị: VND

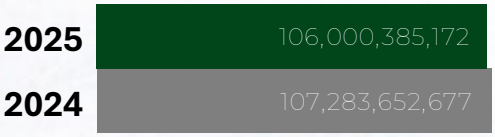

▼ 1%

Lợi nhuận trước thuế

Đơn vị: VND

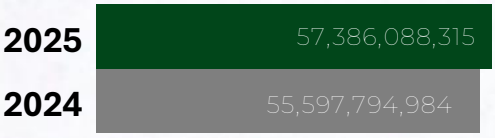

▲ 3%

Lợi nhuận sau thuế

Đơn vị: VND

▲ 3%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	**18,42**	16,96
Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	**18,42**	16,96

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	**0,05**	0,05
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	**0,05**	0,06

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	**0,26**	0,23

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	**43**	41
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	**14**	10
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	**13**	9
Lợi nhuận từ Hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	**31**	38

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Quy mô vốn

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
Vốn điều lệ	**265.000.000.000**	265.000.000.000
Tổng tài sản có	**351.010.047.549**	468.856.633.582
Tỷ lệ an toàn vốn	**665%**	839%

Khả năng thanh khoản

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
Khả năng thanh toán ngay	**4,08**	0,01
Khả năng thanh toán chung	**20,28**	18,64

Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu từ hoạt động Quản lý Quỹ mở	**47.113.442.850**	24.911.809.652
Doanh thu từ hoạt động Quản lý DMĐT	**43.263.945.734**	41.932.654.506
Doanh thu khác	**15.623.016.588**	40.439.188.519
Nợ quá hạn	-	-
Nợ khó đòi	-	-
Hệ số sử dụng vốn	-	-
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	-	-
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	-	-
Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	-	-

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

Chính sách người lao động

a) Số lượng lao động: 50 người.
b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
    - Tham gia bảo hiểm bắt buộc (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp) cho toàn bộ người lao động theo đúng quy định của pháp luật.
    - Thực hiện mua bảo hiểm sức khỏe tự nguyện, cho người lao động;
    - Thực hiện đóng góp vào Quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện cho toàn bộ người lao động đủ điều kiện tham gia chương trình;
    - Mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động nhằm bảo vệ người lao động trước các rủi ro về khả năng lao động.
c) Hoạt động đào tạo người lao động
    - Hỗ trợ người lao động phát triển về chuyên môn, nghiệp vụ cũng như phát triển sự nghiệp;
    - Khuyến khích và hỗ trợ người lao động tham gia các khóa học để lấy chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với vị trí công việc, tham gia các khoá học do Vietcombank tổ chức;
    - Tạo điều kiện để người lao động tham dự các hội thảo trong vào ngoài nước.

BÁO CÁO TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG

Trong hành trình phát triển bền vững, VCBF không chỉ tập trung vào hiệu quả đầu tư mà còn chú trọng lan tỏa những giá trị nhân văn thông qua các hoạt động an sinh xã hội thiết thực. Năm 2025, tinh thần "tương thân tương ái" tiếp tục được hiện thực hóa qua các hoạt động trọng điểm:

1. Hưởng ứng các phong trào an sinh xã hội hệ thống

VCBF đã tích cực tham gia chương trình “Vietcombank chung tay vì người nghèo – không để ai bị bỏ lại phía sau” năm 2025 do Công đoàn Ngân hàng Vietcombank phát động. Đây là hoạt động thường niên trọng tâm, khẳng định trách nhiệm của tập thể cán bộ nhân viên VCBF đối với sự phát triển chung của cộng đồng.

2. Gắn kết địa phương thông qua hoạt động hỗ trợ giáo dục

VCBF phối hợp cùng Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Tây Hồ tổ chức chương trình thiện nguyện trao tặng những phần quà ý nghĩa cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại trường THCS Nhân Chính. Thông qua sự đồng hành của chi nhánh hoạt động này đã mang đến những suất học bổng kịp thời cùng đồ dùng học tập thiết yếu, góp phần tiếp thêm động lực cho các em vững bước đến trường.

3. Hỗ trợ đồng bào khắc phục hậu quả thiên tai

Năm 2025, các đợt bão lũ liên tiếp đổ bộ vào miền Bắc và miền Trung đã gây ra những thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản, khiến hàng nghìn ngôi nhà bị ngập sâu, hoa màu bị tàn phá và sinh kế của người dân bị đình trệ. Trước bối cảnh đó, thực hiện lời kêu gọi của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công đoàn Vietcombank đã phát động chiến dịch ủng hộ trong toàn hệ thống. Hưởng ứng tinh thần này, tập thể cán bộ và người lao động VCBF đã tích cực đóng góp nguồn lực, chung tay cùng hệ thống Vietcombank tiếp sức cho đồng bào sớm khắc phục hậu quả, ổn định cuộc sống và tái thiết sản xuất.

Chương III

Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

35 Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

35 Tình hình tài chính

35 Kế hoạch phát triển trong tương lai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TÌNH HÌNH KINH DOANH

Hiệu suất đầu tư và tăng trưởng quỹ mở

Quỹ VCBF-TBF tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu về lợi nhuận trong nhóm quỹ cân bằng, đánh dấu năm thứ hai liên tiếp đạt được thành tích này. Xét trong trung hạn (3 năm, 5 năm), quỹ cũng đứng đầu về hiệu quả đầu tư; trong dài hạn kể từ khi thành lập, quỹ xếp thứ hai trong nhóm.

Trong năm 2025, xét trên phương diện tương đối, hiệu suất của các quỹ thấp hơn so với thị trường chung, chủ yếu do đà tăng tập trung vào một số cổ phiếu vốn hóa lớn, đặc biệt thuộc nhóm VinGroup và GELEX. Tuy nhiên, xét về hiệu quả tuyệt đối, các quỹ vẫn ghi nhận mức sinh lời tích cực. Cụ thể, Quỹ VCBF-BCF đạt mức lợi nhuận gần 23%, tiếp nối kết quả hơn 27% của năm 2024; trong khi đó, Quỹ VCBF-AIF có khởi đầu thuận lợi với mức lợi nhuận 15% kể từ khi thành lập vào ngày 04/02/2025.

Các kết quả này đạt được trong bối cảnh thị trường thế giới và trong nước nhiều biến động phản ánh hiệu quả của kỷ luật đầu tư cũng như năng lực quản lý đầu tư của VCBF.

Phát triển kinh doanh

Doanh số bán quỹ mở tiếp tục tăng mạnh trong năm 2025, đạt 2.217 tỷ đồng, gấp hơn 2 lần so với thực hiện năm 2024, phản ánh niềm tin của nhà đầu tư tiếp tục tăng với các quỹ mở VCBF.

Quản trị công ty

Bổ sung, sửa đổi một loạt các quy trình, quy chế nhằm củng cố nền tảng quản trị công ty

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tài sản quản lý

8.180 tỷ VND

+31,8% so với cùng kỳ

Tình hình nợ phải trả

Không phát sinh các khoản nợ quá hạn.

An toàn vốn

Các chỉ tiêu thanh khoản và an toàn được đảm bảo

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

- Thành lập và quản lý hiệu quả các quỹ & danh mục đầu tư. Khẳng định vị thế hàng đầu của VCBF trong ngành quản lý quỹ tại Việt Nam.
- Đẩy mạnh việc mở rộng và hợp tác với các đại lý phân phối.
- Đầu tư công nghệ nhằm nâng cao trải nghiệm nhà đầu tư, giúp việc đầu tư quỹ mở được dễ dàng và thuận lợi.
- Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông, đào tạo nhà đầu tư về kiến thức quản lý tài chính cá nhân, phân bổ tài sản, lợi ích của đầu tư dài hạn và quỹ mở.
- Đảm bảo sự tuân thủ các quy định của cơ quan quản lý về hoạt động đầu tư và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của nhân viên trong quản lý và tư vấn đầu tư.
- Tích cực tham gia đóng góp ý kiến xây dựng văn bản pháp luật nhằm phát triển thị trường vốn nói chung và thị trường quỹ nói riêng.

Chương IV

Báo cáo tài chính

37 Báo cáo tài chính được kiểm toán

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Điều hành	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 38

Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669, đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần gần nhất ngày 28 tháng 1 năm 2026, do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005, và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 1 năm 2026.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty đặt văn phòng tại Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội. Công ty có chi nhánh tại Tầng 14, Tòa nhà Centec, 72 - 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm*
Ông Vũ Quang Đông	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024
Ông Avinash Deepak Satwalekar	Phó Chủ Tịch	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024
Bà Phạm Thanh Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 8 năm 2025
Ông Christian Bucaro	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2023
Bà Đoàn Hồng Nhung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024
Ông Bùi Sỹ Tân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 8 năm 2025

BAN ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ban Điều hành và Kế toán Trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm*
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024
Bà Phạm Thanh Huyền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 8 năm 2025
Bà Trần Thị Hà Linh	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2022
Ông Bùi Sỹ Tân	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 8 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là bà Nguyễn Thị Hằng Nga - Tổng Giám đốc.

Bà Phạm Thanh Huyền - Phó Tổng Giám đốc được Bà Nguyễn Thị Hằng Nga - Tổng Giám đốc ủy quyền ký báo cáo này theo giấy ủy quyền số 12225/UQ-VCBF ngày 25 tháng 8 năm 2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

S.G.P: 06 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK
P. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI

Bà Phạm Thanh Huyền
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 13489308/E-69117147-FS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Vũ Tiến Dũng	Nguyễn Văn Trung
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3221-2025-004-1	Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3847-2026-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**318.838.703.062**	**426.617.709.167**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***70.688.751.647***	***304.959.612***
111	1. Tiền		6.688.751.647	304.959.612
112	2. Các khoản tương đương tiền		64.000.000.000	-
120	***II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn***	***5***	***229.504.497.755***	***327.696.898.874***
121	1. Đầu tư ngắn hạn		229.504.497.755	327.696.898.874
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***	***6***	***17.962.413.249***	***98.160.601.848***
132	1. Trả trước cho người bán		12.879.000	25.133.100
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6.1	16.226.588.188	41.542.224.089
135	3. Các khoản phải thu khác	6.2	1.722.946.061	56.593.244.659
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***683.040.411***	***455.248.833***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	623.048.111	410.256.533
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		59.992.300	44.992.300
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**32.171.704.487**	**42.238.924.415**
220	***I. Tài sản cố định***		***909.765.569***	***1.104.240.341***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8.1	428.097.678	367.186.050
222	*Nguyên giá tài sản cố định*		*5.688.976.694*	*5.380.746.214*
223	*Khấu hao lũy kế*		*(5.260.879.016)*	*(5.013.560.164)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	8.2	481.667.891	737.054.291
228	*Nguyên giá tài sản cố định*		*5.397.828.000*	*5.397.828.000*
229	*Hao mòn lũy kế*		*(4.916.160.109)*	*(4.660.773.709)*
250	***II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn***	***9***	***30.000.000.000***	***40.000.000.000***
258	1. Đầu tư dài hạn khác		30.000.000.000	40.000.000.000
260	***III. Tài sản dài hạn khác***		***1.261.938.918***	***1.134.684.074***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	31.237.844	32.832.374
268	2. Tài sản dài hạn khác	10	1.230.701.074	1.101.851.700
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**351.010.407.549**	**468.856.633.582**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-CTQ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm VND*	*Số đầu năm VND*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**17.305.186.740**	**25.147.277.042**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***17.305.186.740***	***25.147.277.042***
312	1. Phải trả người bán		346.264.000	310.969.744
314	2. Thuế và các khoản nộp Nhà nước	11	1.435.513.442	7.684.494.633
315	3. Phải trả người lao động		7.780.199.041	3.735.972.483
316	4. Chi phí phải trả	12	5.631.990.491	11.860.195.836
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		804.352.528	422.348.608
323	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13	1.306.867.238	1.133.295.738
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**333.705.220.809**	**443.709.356.540**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14	265.000.000.000	265.000.000.000
417	2. Quỹ đầu tư phát triển		4.301.548.849	4.301.548.849
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		5.181.385.383	5.181.385.383
419	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.292.451.186	2.292.451.186
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		56.929.835.391	166.933.971.122
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**351.010.407.549**	**468.856.633.582**

Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-CTQ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm VND*	*Số đầu năm VND*
005	**1. Ngoại tệ các loại**		**10.570.833**	**10.235.998**
020	**2. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ**	**15**	**200.733.069.200**	**165.633.069.200**
030	**3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác**	**16**	**144.173.518.492**	**131.517.457.159**
031	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước		144.173.518.492	123.985.034.251
032	- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		-	7.532.422.908
040	**4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác**	**17**	**3.109.038.539.942**	**3.012.719.766.935**
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước		3.109.038.539.942	2.884.371.787.078
042	- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		-	128.347.979.857
050	**5. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác**	**18**	**7.598.515.410**	**29.570.860.520**
051	**6. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác**	**19**	**9.389.398.836**	**41.128.509.317**

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

S.G.P: 06 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK
P. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Bà Ngô Thị Lệ Quyên	Bà Trần Thị Hà Linh	Bà Phạm Thanh Huyền
Kế toán viên	Kế toán Trưởng	Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-CTQ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay VND*	*Năm trước VND*
01	**1. Doanh thu**	**20**	**106.000.385.172**	**107.283.652.677**
11	**2. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán**	**21**	**(35.401.367.657)**	**(34.329.923.547)**
20	**3. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh**		**70.599.017.515**	**72.953.729.130**
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	22	25.052.238.629	14.362.431.497
22	5. Chi phí tài chính	23	(15.286.316)	(14.153.053)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(38.251.437.879)	(31.704.400.089)
30	**7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**57.384.531.949**	**55.597.607.485**
31	**8. Thu nhập khác**		**1.556.366**	**187.499**
40	**9. Lợi nhuận khác**		**1.556.366**	**187.499**
50	**10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**57.386.088.315**	**55.597.794.984**
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	(11.763.224.046)	(11.172.655.458)
60	**12. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**45.622.864.269**	**44.425.139.526**

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK
S.G.P: 06 - C.T.T.N.H.H
P. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Bà Ngô Thị Lệ Quyên	Bà Trần Thị Hà Linh	Bà Phạm Thanh Huyền
Kế toán viên	Kế toán Trưởng	Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03-CTQ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay VND*	*Năm trước VND*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		134.161.041.869	134.440.917.995
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(33.439.485.484)	(19.001.205.887)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(34.063.794.390)	(36.245.947.374)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	11	(17.935.444.735)	(13.426.265.748)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		475.364.974	150.611.001
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.650.218.995)	(17.748.903.475)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**32.547.463.239**	**48.169.206.512**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(308.230.480)	(368.000.000)
23	2. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(144.000.000.000)	(135.831.413.699)
24	3. Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ của đơn vị khác		297.272.801.095	125.965.774.217
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(50.000.000.000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		18.457.866.350	-
27	6. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia, lãi tiền gửi, lãi trái phiếu		16.413.556.996	8.174.568.456
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư**		**187.835.993.961**	**(52.059.071.026)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(150.000.000.000)	-
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(150.000.000.000)**	**-**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**70.383.457.200**	**(3.889.864.514)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	**4**	**304.959.612**	**4.194.349.438**
61	**Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ**		**334.835**	**474.688**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**4**	**70.688.751.647**	**304.959.612**

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Bà Ngô Thị Lệ Quyên	Bà Trần Thị Hà Linh	Bà Phạm Thanh Huyền
Kế toán viên	Kế toán Trưởng	Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B05-CTQ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/(giảm) trong năm				Số cuối năm	
				Năm trước		Năm nay			
		Ngày 1 tháng 1 năm 2024 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2025 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14	265.000.000.000	265.000.000.000	-	-	-	-	265.000.000.000	265.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển		4.301.548.849	4.301.548.849	-	-	-	-	4.301.548.849	4.301.548.849
3. Quỹ dự phòng tài chính		5.181.385.383	5.181.385.383	-	-	-	-	5.181.385.383	5.181.385.383
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.292.451.186	2.292.451.186	-	-	-	-	2.292.451.186	2.292.451.186
5. Lợi nhuận chưa phân phối		127.261.531.596	166.933.971.122	44.425.139.526	(4.752.700.000)	45.622.864.269	(155.627.000.000)	166.933.971.122	56.929.835.391
TỔNG CỘNG		**404.036.917.014**	**443.709.356.540**	**44.425.139.526**	**(4.752.700.000)**	**45.622.864.269**	**(155.627.000.000)**	**443.709.356.540**	**333.705.220.809**

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

S.G.P: 06 - C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK P. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI

Người lập:
Bà Ngô Thị Lệ Quyên
Kế toán viên

Người kiểm soát:
Bà Trần Thị Hà Linh
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:
Bà Phạm Thanh Huyền
Phó Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669, đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần gần nhất ngày 28 tháng 1 năm 2026, do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005, và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 1 năm 2026.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty đặt văn phòng tại Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội. Công ty có chi nhánh tại Tầng 14, Tòa nhà Centec, 72 - 74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 50 người (31 tháng 12 năm 2024: 43 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty bao gồm chứng khoán niêm yết và chứng khoán chưa niêm yết. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư khác bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "*Chi phí quản lý doanh nghiệp*" trong năm.

3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài.

3.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn luỹ kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Thiết bị văn phòng	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Thẻ hội viên câu lạc bộ chơi gôn	20 năm

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác

Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty.

3.11 Lợi ích nhân viên

3.11.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ cơ quan Bảo hiểm Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.11.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

3.11.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được Hội đồng thành viên phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13 Các quỹ

Các quỹ của Công ty được trích lập theo Nghị quyết của Hội đồng thành viên phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành thông tư 114/2021/TT-BTC có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2022 để bãi bỏ Thông tư 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ trong đó nêu:

- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định hiện hành.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa có quyết định cuối cùng về kế hoạch xử lý số dư các quỹ này.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý

Phí quản lý được tính trên vốn ủy thác hoặc giá trị tài sản ròng của danh mục đầu tư ủy thác hoặc giá trị tài sản ròng của quỹ đầu tư chứng khoán, được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Phí tư vấn đầu tư

Phí tư vấn đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng tư vấn đầu tư.

Phí thưởng hoạt động

Phí thưởng hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi có phát sinh, nếu giá trị tài sản ròng của danh mục ủy thác tăng cao hơn mức tham chiếu được quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.17 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau khi ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng	6.688.751.647	304.959.612
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng	64.000.000.000	-
	70.688.751.647	**304.959.612**

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Đầu tư vào chứng chỉ quỹ (i)	173.004.497.755	127.924.097.779
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (ii)	56.500.000.000	199.772.801.095
	229.504.497.755	**327.696.898.874**

(i) Chi tiết các khoản đầu tư vào chứng chỉ quỹ như sau:

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Số lượng (chứng chỉ quỹ)	*Giá gốc VND*	*Số lượng (chứng chỉ quỹ)*	*Giá gốc VND*
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("VCBF-TBF")	1.334.027,88	13.393.639.981	1.334.027,88	13.393.639.981
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF ("VCBF-BCF")	878.027,88	8.815.399.957	1.368.027,88	13.734.999.981
Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF ("VCBF-AIF")	5.000.000,00	50.000.000.000	-	-
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("VCBF-FIF")	5.000.000,24	50.795.457.817	5.000.000,24	50.795.457.817
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF ("VCBF-MGF")	4.861.250,92	50.000.000.000	4.861.250,92	50.000.000.000
	17.073.306,92	**173.004.497.755**	**12.563.306,92**	**127.924.097.779**

(ii) Phản ánh các khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc 12 tháng kể từ ngày gửi, kỳ hạn còn lại dưới 10 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và hưởng lãi suất năm từ 4,60% đến 4,90% (31/12/2024: từ 4,40% đến 6,20%).

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

		Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Trả trước cho người bán		12.879.000	25.133.100
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6.1	16.226.588.188	41.542.224.089
Các khoản phải thu khác	6.2	1.722.946.061	56.593.244.659
		17.962.413.249	**98.160.601.848**

6.1 Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Phải thu phí quản lý quỹ và danh mục đầu tư	10.595.932.744	7.489.341.988
Phải thu phí thưởng hoạt động	1.909.048.912	32.262.598.339
Phải thu phí tư vấn đầu tư	391.155.000	378.765.000
Phải thu khác từ hoạt động nghiệp vụ	3.330.451.532	1.411.518.762
	16.226.588.188	**41.542.224.089**

6.2 Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	1.489.216.436	6.247.374.741
Lãi phải thu từ trái phiếu	81.271.233	231.010.959
Chuyển tiền mua IPO Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF ("VCBF - AIF")	-	50.000.000.000
Các khoản phải thu khác	152.458.392	114.858.959
	1.722.946.061	**56.593.244.659**

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Chi phí trả trước ngắn hạn	**623.048.111**	**410.256.533**
Công cụ dụng cụ	179.449.078	128.993.974
Chi phí thuê máy chủ VNPT Icloud	140.989.266	6.310.000
Chi phí dịch vụ data	87.290.000	90.450.000
Dịch vụ bảo trì phần mềm	80.151.500	79.234.168
Dịch vụ bảo trì hệ thống CNTT	76.674.667	76.674.791
Cước thuê đường truyền	58.493.600	28.593.600
Chi phí trả trước dài hạn	**31.237.844**	**32.832.374**
Cước phí internet	20.742.822	16.861.680
Tài khoản Thư viện pháp luật	10.495.022	15.970.694
	654.285.955	**443.088.907**

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

8.1 *Tài sản cố định hữu hình*

	Phương tiện vận tải VND	*Thiết bị văn phòng VND*	*Tổng cộng VND*
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.033.871.214	1.346.875.000	5.380.746.214
Số tăng trong năm	-	308.230.480	308.230.480
Số cuối năm	4.033.871.214	1.655.105.480	5.688.976.694
Giá trị khấu hao			
Số đầu năm	3.704.689.894	1.308.870.270	5.013.560.164
Khấu hao trong năm	187.527.504	59.791.348	247.318.852
Số cuối năm	3.892.217.398	1.368.661.618	5.260.879.016
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	329.181.320	38.004.730	367.186.050
Số cuối năm	141.653.816	286.443.862	428.097.678

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 4.192.793.214 VND (31/12/2024: 4.143.513.214 VND).

8.2 *Tài sản cố định vô hình*

	Phần mềm máy vi tính VND	*Thẻ hội viên câu lạc bộ chơi gôn VND*	*Tổng cộng VND*
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.819.300.000	1.578.528.000	5.397.828.000
Số cuối năm	3.819.300.000	1.578.528.000	5.397.828.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	3.292.291.774	1.368.481.935	4.660.773.709
Hao mòn trong năm	176.460.000	78.926.400	255.386.400
Số cuối năm	3.468.751.774	1.447.408.335	4.916.160.109
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	527.008.226	210.046.065	737.054.291
Số cuối năm	350.548.226	131.119.665	481.667.891

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 2.937.000.000 VND (31/12/2024: 2.937.000.000 VND).

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Phản ánh khoản đầu tư của Công ty vào trái phiếu tổ chức tín dụng phát hành bằng VND với kỳ hạn 7 năm và hưởng lãi suất năm là 6,18% tại ngày kết thúc năm tài chính (31/12/2024: từ 5,68% đến 5,98%).

10. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác phản ánh các khoản đặt cọc thuê văn phòng của Công ty.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 1 tháng 1 năm 2025 VND	*Tăng/(giảm) trong năm*		*Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND*
		Thuế phải nộp VND	*Thuế đã nộp VND*	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.261.081.190	11.763.224.046	(17.935.444.735)	1.088.860.501
Thuế thu nhập cá nhân	306.530.703	10.019.867.475	(10.021.421.526)	304.976.652
Thuế giá trị gia tăng	116.777.355	846.615.946	(921.717.012)	41.676.289
Thuế nhà thầu	105.385	250.671.340	(250.776.725)	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	7.684.494.633	**22.883.378.807**	**(29.132.359.998)**	**1.435.513.442**

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Chi thưởng, hoa hồng cho nhân viên	2.883.515.009	10.001.037.806
Chi phí hoa hồng cho đại lý phân phối	1.677.214.879	1.446.030.279
Chi phí marketing	597.714.310	381.827.273
Chi phí phải trả khác	473.546.293	31.300.478
	5.631.990.491	**11.860.195.836**

13. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Thay đổi quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Năm nay VND	*Năm trước VND*
Đầu năm	**1.133.295.738**	**429.224.028**
Trích lập trong năm	5.627.000.000	4.752.700.000
Sử dụng trong năm	(5.453.428.500)	(4.048.628.290)
Cuối năm	**1.306.867.238**	**1.133.295.738**

14. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cơ cấu vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	VND	*%*	*VND*	*%*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	135.150.000.000	51,00	135.150.000.000	51,00
Công ty Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	129.850.000.000	49,00	129.850.000.000	49,00
	265.000.000.000	**100,00**	**265.000.000.000**	**100,00**

15. CHỨNG KHOÁN CHƯA LƯU KÝ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

	Số cuối năm *VND*	*Số đầu năm* *VND*
Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán không niêm yết	170.733.069.200	125.633.069.200
Trái phiếu của tổ chức tín dụng không niêm yết	30.000.000.000	40.000.000.000
	200.733.069.200	**165.633.069.200**

16. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

Biến động tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong năm như sau:

	Năm nay *VND*	*Năm trước* *VND*
Đầu năm	**131.517.457.159**	**63.556.169.753**
Tăng trong năm	2.380.650.524.441	2.832.263.380.163
Giảm trong năm	(2.367.994.463.108)	(2.764.302.092.757)
Cuối năm	**144.173.518.492**	**131.517.457.159**

Chi tiết tiền gửi các nhà đầu tư ủy thác như sau:

	Số cuối năm *VND*	*Số đầu năm* *VND*
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	**144.173.518.492**	**123.985.034.251**
Nhà đầu tư AM16 (i)	51.432.198.214	22.470.877.161
Nhà đầu tư UL02 (ii)	46.730.667.539	12.264.608.892
Nhà đầu tư UL01 (iii)	27.994.494.591	5.177.932.773
Nhà đầu tư CB (iv)	88.741.036	104.733.404
Các nhà đầu tư khác (v)	17.927.417.112	83.966.882.021
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	**-**	**7.532.422.908**
Nhà đầu tư AM20 (vi)	-	7.532.422.908
	144.173.518.492	**131.517.457.159**

16. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong năm của các nhà đầu tư ủy thác như sau:

(i) Nhà đầu tư AM16

	Năm nay VND	*Năm trước VND*
Số dư đầu năm	**22.470.877.161**	**16.142.978.919**
Tăng trong năm	697.065.471.461	513.570.682.656
Giá trị vốn ủy thác tăng thêm trong năm	-	*121.000.000.000*
Thu từ bán chứng khoán	*552.840.535.071*	*319.802.177.615*
Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn, thu từ cổ tức, lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư	*144.224.936.390*	*72.768.505.041*
Giảm trong năm	(668.104.150.408)	(507.242.784.414)
Giá trị vốn ủy thác rút bớt trong năm	*(350.000.000.000)*	
Chi mua chứng khoán	*(157.196.341.371)*	*(426.433.371.807)*
Chi gửi tiền có kỳ hạn, chi phí quản lý danh mục và các khoản chi khác cho hoạt động đầu tư	*(160.907.809.037)*	*(80.809.412.607)*
Số dư cuối năm	**51.432.198.214**	**22.470.877.161**

(ii) Nhà đầu tư UL02

	Năm nay VND	*Năm trước VND*
Số dư đầu năm	**12.264.608.892**	**19.976.981.214**
Tăng trong năm	722.661.901.913	403.340.236.031
Giá trị vốn ủy thác tăng thêm trong năm	*243.765.257.984*	*111.925.876.445*
Thu từ bán chứng khoán	*116.557.079.330*	*90.109.128.814*
Đáo hạn trái phiếu	*12.572.603.147*	*16.654.636.996*
Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn, thu từ cổ tức, lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư	*349.766.961.452*	*184.650.593.776*
Giảm trong năm	(688.195.843.266)	(411.052.608.353)
Giá trị vốn ủy thác rút bớt trong năm	*(86.994.646.696)*	*(86.483.575.652)*
Chi mua chứng khoán	*(317.057.364.756)*	*(191.337.138.075)*
Chi gửi tiền có kỳ hạn, chi phí quản lý danh mục và các khoản chi khác cho hoạt động đầu tư	*(284.143.831.814)*	*(133.231.894.626)*
Số dư cuối năm	**46.730.667.539**	**12.264.608.892**

16. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(iii) Nhà đầu tư UL01

	Năm nay VND	*Năm trước VND*
Số dư đầu năm	**5.177.932.773**	**5.217.786.216**
Tăng trong năm	142.545.235.208	106.581.454.789
Giá trị vốn ủy thác tăng thêm trong năm	*11.599.881.246*	*2.816.310.518*
Thu từ bán chứng khoán	*7.775.350.395*	*8.260.483.913*
Đáo hạn trái phiếu	*51.947.616.390*	*24.496.937.816*
Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn, thu từ cổ tức, lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư	*71.222.387.177*	*71.007.722.542*
Giảm trong năm	(119.728.673.390)	(106.621.308.232)
Giá trị vốn ủy thác rút bớt trong năm	*(651.919.710)*	*(10.438.864.518)*
Chi mua chứng khoán	*(55.544.890.125)*	*(34.268.146.113)*
Chi gửi tiền có kỳ hạn, chi phí quản lý danh mục và các khoản chi khác cho hoạt động đầu tư	*(63.531.863.555)*	*(61.914.297.601)*
Số dư cuối năm	**27.994.494.591**	**5.177.932.773**

(iv) Nhà đầu tư CB

	Năm nay VND	*Năm trước VND*
Số dư đầu năm	**104.733.404**	**5.186.345**
Tăng trong năm	2.628.036.413	900.339.501
Giá trị vốn ủy thác tăng thêm trong năm	*461.572.993*	*441.029.710*
Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn, thu từ cổ tức, lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư	*2.166.463.420*	*459.309.791*
Giảm trong năm	(2.644.028.781)	(800.792.442)
Chi mua chứng khoán	*(1.011.748.200)*	-
Chi gửi tiền có kỳ hạn, chi phí quản lý danh mục và các khoản chi khác cho hoạt động đầu tư	*(1.632.280.581)*	*(800.792.442)*
Số dư cuối năm	**88.741.036**	**104.733.404**

16. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

(v) Các nhà đầu tư khác

	Năm nay VND	*Năm trước VND*
Số dư đầu năm	**83.966.882.021**	**17.527.170.939**
Tăng trong năm	534.876.820.805	692.934.265.173
Giá trị vốn ủy thác tăng thêm trong năm	*320.566.500.952*	*135.947.353.350*
Thu từ bán chứng khoán	*177.585.185.859*	*473.494.188.478*
Đáo hạn trái phiếu	*32.887.413.604*	*34.300.926.610*
Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn, thu từ cổ tức, lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư	*3.837.720.390*	*49.191.796.735*
Giảm trong năm	(600.916.285.714)	(626.494.554.091)
Giá trị vốn ủy thác rút bớt trong năm	*(253.680.652.985)*	*(388.417.568.728)*
Chi mua chứng khoán	*(168.942.347.573)*	*(202.041.310.905)*
Chi gửi tiền có kỳ hạn, chi phí quản lý danh mục và các khoản chi khác cho hoạt động đầu tư	*(178.293.285.156)*	*(36.035.674.458)*
Số dư cuối năm	**17.927.417.112**	**83.966.882.021**

(vi) Nhà đầu tư AM20

	Năm nay VND	*Năm trước VND*
Số dư đầu năm	**7.532.422.908**	**4.686.066.120**
Tăng trong năm	280.873.058.641	1.114.936.402.013
Thu từ bán chứng khoán	*232.306.860.982*	*364.864.914.944*
Đáo hạn trái phiếu	*15.400.084.384*	*187.973.816.952*
Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn, thu từ cổ tức, lãi tiền gửi và các khoản thu khác từ hoạt động đầu tư	*33.166.113.275*	*562.097.670.117*
Giảm trong năm	(288.405.481.549)	(1.112.090.045.225)
Giá trị vốn ủy thác rút bớt trong năm	*(137.901.754.261)*	*(538.000.000.000)*
Chi mua chứng khoán	*(136.316.457.871)*	*(87.733.588.842)*
Chi gửi tiền có kỳ hạn, chi phí quản lý danh mục và các khoản chi khác cho hoạt động đầu tư	*(14.187.269.417)*	*(486.356.456.383)*
Số dư cuối năm	**-**	**7.532.422.908**

17. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Cổ phiếu niêm yết	**2.726.691.675.464**	**2.521.154.251.458**
Chi tiết cổ phiếu niêm yết bị giảm giá:		
VNM	203.243.318.687	197.684.350.641
IJC	70.000.680.278	57.242.799.453
FPT	66.725.916.224	-
GMD	52.143.230.081	-
LHG	51.156.941.645	-
SAB	43.570.655.050	43.975.389.047
SZC	43.367.949.293	-
NLG	35.067.769.304	-
HAX	31.521.359.693	-
CTR	30.753.235.878	-
SGN	27.229.793.462	-
SKG	26.942.213.560	26.942.213.560
MSN	23.119.311.350	1.099.199.325
ACG	15.371.163.237	-
TLG	12.729.466.849	-
IDC	9.486.508.175	2.690.599.855
DCM	7.044.020.362	-
PTB	6.949.897.737	-
DGW	5.027.556.904	-
VIB	4.598.860.267	-
PVS	3.876.650.332	-
PNJ	3.171.868.600	-
BID	2.897.173.987	-
HCM	2.708.645.050	-
DHC	2.682.758.109	2.682.758.109
NTC	2.587.500.000	-
MSH	2.559.680.000	-
DHG	2.460.500.000	1.738.050.000
SIP	2.066.332.650	-
GDT	1.973.014.886	-
NCT	1.952.381.000	-
DPR	1.937.154.985	-
MIG	1.680.600.000	-
STK	1.661.717.717	1.661.717.693
HPG	1.572.094.874	-
MCM	1.532.301.890	4.319.872.585
TRA	1.052.810.005	-
BWE	678.799.940	-
MBB	663.425.000	-
DBD	582.600.010	-
BCC	551.488.500	-
CTD	526.250.025	-
ACB	484.050.080	-
BVH	480.524.160	91.136.009.309
CTG	466.130.049	-
DBC	203.200.032	-
PHR	192.000.000	-

17. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Cổ phiếu đăng ký giao dịch	**33.579.436.256**	**40.036.606.525**
Chi tiết cổ phiếu đăng ký giao dịch bị giảm giá:		
VRG	12.600.000.000	12.600.000.000
SAS	3.563.812.563	-
QNS	2.529.615.200	-
VGG	847.876.574	-
Trái phiếu	**336.986.103.032**	**430.052.335.369**
Chi tiết trái phiếu bị giảm giá:		
PC112202	76.980.718.515	130.689.329.263
HDC12502	40.000.000.000	-
NLG12401	28.003.447.466	28.003.447.466
TNG124027	25.044.626.317	-
VIB12504	25.000.000.000	-
VHM121025	12.891.614.339	18.916.010.716
TNG122017	12.234.081.720	-
VIB12410	10.000.000.000	10.000.000.000
MML121021	8.010.326.660	42.461.146.533
VNTD25350271	1.010.535.379	
Chứng chỉ tiền gửi/Tiền gửi có kỳ hạn	**10.210.000.000**	**21.476.573.583**
Quyền mua chứng khoán	**1.571.325.190**	**-**
	3.109.038.539.942	**3.012.719.766.935**

18. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Lãi được nhận	5.482.525.538	5.431.435.293
Thu từ bán chứng khoán	1.259.370.000	2.281.835.720
Cổ tức được nhận	724.840.000	7.998.587.284
Phải thu khác	131.779.872	13.859.002.223
	7.598.515.410	**29.570.860.520**

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Phải trả phí quản lý danh mục	8.205.979.764	37.239.110.178
Phải trả phí lưu ký	142.508.449	139.103.024
Phải trả mua chứng khoán	-	3.499.360.000
Phải trả khác	1.040.910.623	250.936.115
	9.389.398.836	**41.128.509.317**

20. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay VND	*Năm trước VND*
Phí quản lý từ hoạt động quản lý quỹ (i)	47.113.422.850	24.911.809.652
Phí quản lý từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư (ii)	43.263.945.734	41.932.654.506
Phí thưởng hoạt động (iii)	4.772.902.600	35.366.764.947
Phí tư vấn đầu tư	1.554.045.000	1.357.281.818
Doanh thu khác	9.296.068.988	3.715.141.754
	106.000.385.172	**107.283.652.677**

(i) Công ty hiện đang quản lý năm quỹ là Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF, Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF, Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF, Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF và Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF. Theo quy định tại Điều lệ quỹ, Công ty được hưởng phí quản lý tính trên giá trị tài sản ròng của quỹ và được thanh toán hàng tháng.

(ii) Công ty quản lý danh mục đầu tư cho các khách hàng và được hưởng phí quản lý tính trên vốn ủy thác hoặc giá trị tài sản ròng của danh mục đầu tư ủy thác.

(iii) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư, Công ty được hưởng khoản phí thưởng hoạt động nếu giá trị tài sản ròng của danh mục ủy thác tăng cao hơn mức tham chiếu được quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư.

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	*Năm trước VND*
Chi phí nhân viên	14.623.419.745	13.862.342.520
Chi phí hoa hồng cho đại lý phân phối và cán bộ bán hàng	12.503.815.639	5.621.766.322
Chi phí chi trả cho hàng hóa, dịch vụ	6.690.734.370	5.255.970.051
Phí thưởng trích từ doanh thu phí thưởng	1.193.225.650	8.668.220.551
Chi phí khấu hao tài sản cố định	188.489.233	736.458.853
Chi phí khác	201.683.020	185.165.250
	35.401.367.657	**34.329.923.547**

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	*Năm trước VND*
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	13.538.266.326	64.298.780
Thu nhập lãi tiền gửi	9.293.558.286	11.260.744.201
Thu nhập lãi trái phiếu	2.211.760.273	3.012.586.303
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.653.744	24.802.213
	25.052.238.629	**14.362.431.497**

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	*Năm trước VND*
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	15.286.316	12.793.206
Chi phí hoạt động đầu tư	-	1.359.847
	15.286.316	**14.153.053**

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	*Năm trước VND*
Chi phí nhân viên	19.647.035.593	17.011.251.961
Chi phí thuê văn phòng	4.573.605.591	4.527.956.625
Chi phí tiếp thị và quảng cáo	4.313.155.870	2.074.596.915
Chi phí thuế, phí và lệ phí	2.015.721.018	1.355.336.871
Chi phí tiếp tân, đối ngoại	1.210.178.722	1.101.313.487
Chi mua bảo hiểm	1.186.853.127	664.901.279
Chi phí đào tạo	695.505.773	545.209.676
Chi phí công tác	605.507.602	737.925.214
Chi phí viễn thông	349.693.191	370.660.568
Chi phí khấu hao tài sản cố định	314.216.019	426.713.242
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	1.970.820.531	1.807.684.547
Chi phí khác	1.369.144.842	1.080.849.704
	38.251.437.879	**31.704.400.089**

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% (năm trước: 20%) trên lợi nhuận tính thuế trong năm theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

a. Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế sẽ có khác biệt so với thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế thuộc các kỳ tính thuế trước và cũng không bao gồm các khoản mục không chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)

b. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	*Năm trước VND*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**57.386.088.315**	**55.597.794.984**
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	11.477.217.663	11.119.558.997
Các khoản điều chỉnh tăng	**286.017.490**	**49.489.523**
Chi phí không được trừ	*76.023.321*	*49.489.361*
Chi phí chưa chi đến thời điểm quyết toán	*209.994.169*	-
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	*162*
Các khoản điều chỉnh giảm	**(361.729.300)**	**(32.919.517)**
Điều chỉnh chi phí năm trước	*(361.718.193)*	*(32.919.517)*
Đánh giá chênh lệch tỷ giá	*(11.107)*	-
Thuế TNDN bổ sung năm trước	361.718.193	36.526.455
Chi phí thuế TNDN	**11.763.224.046**	**11.172.655.458**

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Công ty. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

(a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:

- Kiểm soát, được kiểm soát bởi, hoặc dưới sự kiểm soát chung với Công ty (bao gồm Công ty mẹ và các công ty con); hoặc
- Có vốn góp vào Công ty và do đó có sự ảnh hưởng đáng kể tới Công ty; hoặc
- Có quyền đồng kiểm soát Công ty.

(b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết; hoặc

(c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Điều hành của Công ty hoặc Công ty mẹ; hoặc

(d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc

(e) Bên liên quan là một tổ chức được trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể bởi, hoặc quyền biểu quyết đáng kể trong tổ chức này tập trung vào, bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm VND*	*Số đầu năm VND*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	Thành viên góp vốn	Tiền gửi không kỳ hạn	6.662.193.903	278.534.298
		Tiền gửi có kỳ hạn	120.500.000.000	22.331.413.699
		Phải thu lãi tiền gửi	1.489.216.436	489.342.690
		Phải trả phí hoa hồng duy trì tài khoản	(205.135.854)	(424.541.228)
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn	Phải trả phí hoa hồng duy trì tài khoản	(13.386.431)	(12.925.842)
Công ty TNHH Cao Ốc Vietcombank 198	Công ty trong cùng tập đoàn	Đặt cọc thuê văn phòng	498.926.074	449.482.950
Công ty Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	Thành viên góp vốn	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	-	420.250.021
		Phải thu phí tư vấn đầu tư	391.155.000	378.765.000
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Đầu tư vào chứng chỉ quỹ	13.393.639.981	13.393.639.981
		Phải thu phí quản lý quỹ	787.562.588	474.228.252
		Phải thu phí giao dịch, thuế TNCN	333.729.145	204.350.721
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Đầu tư vào chứng chỉ quỹ	8.815.399.957	13.734.999.981
		Phải thu phí quản lý quỹ	1.967.715.732	1.091.763.370
		Phải thu phí giao dịch, thuế TNCN	952.003.204	458.311.702
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Đầu tư vào chứng chỉ quỹ	50.795.457.817	50.795.457.817
		Phải thu phí quản lý quỹ	263.909.648	62.095.573
		Phải thu phí giao dịch, thuế TNCN	584.712.124	164.838.274
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Đầu tư vào chứng chỉ quỹ	50.000.000.000	50.000.000.000
		Phải thu phí quản lý quỹ	1.377.272.601	863.044.151
		Phải thu phí giao dịch, thuế TNCN	861.440.220	448.919.244
Quỹ Hưu trí Cân bằng VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Phải thu phí quản lý quỹ	-	2.275.290
Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Đầu tư vào chứng chỉ quỹ	50.000.000.000	50.000.000.000
		Phải thu phí quản lý quỹ	598.903.608	-
		Phải thu phí giao dịch, thuế TNCN	472.928.658	-

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan trong năm như sau:

Giao dịch bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay VND*	*Năm trước VND*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	Thành viên góp vốn	Phân phối lợi nhuận	76.500.000.000	-
		Lãi tiền gửi không kỳ hạn	46.076.860	12.106.516
		Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.069.800.166	1.138.447.285
		Phí hoa hồng duy trì tài khoản	(1.321.890.728)	(421.056.501)
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn	Phí hoa hồng duy trì tài khoản	(48.756.922)	(49.707.556)
		Lãi tiền gửi	200	1.167.485
Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198	Công ty trong cùng tập đoàn	Chi phí thuê văn phòng	(1.863.855.966)	(1.797.931.800)
		Chi phí dịch vụ	(143.803.952)	(138.416.652)
Công ty Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	Thành viên góp vốn	Phân phối lợi nhuận	73.500.000.000	-
		Phí quản lý danh mục đầu tư	456.644.278	4.309.702.090
		Phí tư vấn đầu tư	1.554.045.000	1.357.281.818
		Phí thưởng hoạt động	1.985.823.907	-
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ	7.147.487.477	4.652.324.563
		Phí giao dịch	1.053.676.376	430.950.099
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ	17.403.951.554	10.742.601.949
		Phí giao dịch	2.773.927.274	1.462.421.085
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ	2.607.089.355	476.897.687
		Phí giao dịch	1.287.832.645	446.133.520
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ	15.418.484.185	9.039.985.453
		Phí giao dịch	3.139.137.173	1.375.637.050
Quỹ Đầu tư Thu nhập Chủ động VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ	4.536.410.279	-
		Phí giao dịch	1.041.495.520	-
Quỹ Hưu trí Cân bằng VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ	2.724.322	2.014.528

Thu nhập Ban Điều hành trong năm như sau:

Ban Điều hành	Tiền lương và thưởng thực nhận bằng tiền trong năm	(4.109.830.676)	(6.427.739.793)

27. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

27.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro tỷ giá

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Công ty có các tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng bằng USD	**10.570.833**	**10.235.998**

Sau đây là tỷ giá ngoại hối chính được Công ty áp dụng:

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
USD/VND	**26.007**	**25.251**

27. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

27.1 *Rủi ro thị trường* (tiếp theo)

Rủi ro tỷ giá (tiếp theo)

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất:

	Mức tăng giả định %/năm	*Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế VND*
Ngày 31 tháng 12 năm 2025		
USD	+3%	317.125
USD	-3%	(317.125)

Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá thị trường của các khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty vào các chứng chỉ quỹ là 293.047.886.167 VND (giá trị ghi sổ: 173.004.497.755 VND). Nếu giá thị trường của các khoản đầu tư này giảm 10% tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng và không phải trích lập bổ sung dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (31/12/2024: 0 VND).

27.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng mà khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty.

27. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

27.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

	Bất kỳ thời điểm nào VND	*Dưới 1 năm VND*	*Từ 1 năm đến 5 năm VND*	*Trên 5 năm VND*	*Tổng cộng VND*
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.688.751.647	64.000.000.000	-	-	70.688.751.647
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn - gộp	173.004.497.755	56.500.000.000	-	-	229.504.497.755
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	17.949.534.249	-	-	17.949.534.249
Đầu tư dài hạn khác	-	-	30.000.000.000	-	30.000.000.000
	179.693.249.402	**138.449.534.249**	**30.000.000.000**	**-**	**348.142.783.651**
Nợ phải trả tài chính					
Phải trả người bán	-	346.264.000	-	-	346.264.000
Chi phí phải trả	-	5.631.990.491	-	-	5.631.990.491
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	804.352.528	-	-	804.352.528
	-	**6.782.607.019**	**-**	**-**	**6.782.607.019**
Trạng thái thanh khoản ròng	**179.693.249.402**	**131.666.927.230**	**30.000.000.000**	**-**	**341.360.176.632**

28. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		*Giá trị hợp lý*	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND*
Tài sản tài chính				
Tiền	70.688.751.647	304.959.612	70.688.751.647	304.959.612
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn - gộp (**)	229.504.497.755	327.696.898.874	(*)	(*)
Các khoản phải thu ngắn hạn	17.949.534.249	98.135.468.748	(*)	(*)
Đầu tư dài hạn khác	30.000.000.000	40.000.000.000	(*)	(*)
	348.142.783.651	**466.137.327.234**		
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	346.264.000	310.969.744	(*)	(*)
Chi phí phải trả	5.631.990.491	11.860.195.836	(*)	(*)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	804.352.528	422.348.608	(*)	(*)
	6.782.607.019	**12.593.514.188**		

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không xác định được vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(**) Trong đó bao gồm danh mục đầu tư vào chứng chỉ quỹ có giá trị ghi sổ tại 31 tháng 12 năm 2025 là 173.004.497.755 VND và giá trị thị trường là 293.047.886.167 VND. Tại 31 tháng 12 năm 2024, giá trị ghi sổ và giá trị thị trường của danh mục đầu tư vào chứng chỉ quỹ lần lượt là 127.924.097.779 VND và 230.688.199.379 VND.

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Số cuối năm VND	*Số đầu năm VND*
Tiền thuê văn phòng		
- Đến 1 năm	4.965.750.480	3.055.720.911
- Từ 1 đến 5 năm	15.918.613.800	-
- Trên 5 năm	9.479.595.330	-

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK
S.G.P: 06 - C.T.T.N.H.H
P. HOÀN KIẾM - T.P HÀ NỘI

Người lập:	Người kiểm soát:	Người phê duyệt:
Bà Ngô Thị Lệ Quyên	Bà Trần Thị Hà Linh	Bà Phạm Thanh Huyền
Kế toán viên	Kế toán Trưởng	Phó Tổng Giám đốc

ĐẠI DIỆN
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ
QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2026

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK

Nguyễn Thị Hằng Nga
Tổng Giám đốc/*Chief Executive Officer*

Năng Lực Quốc Tế. Lợi Thế Địa Phương

Liên hệ

Trụ Sở Chính tại Hà Nội

Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank

198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội

T: (+84)-24-39364540

F: (+84)-24-39364542

Văn phòng TP. Hồ Chí Minh

Tầng 14, Tòa nhà Centec,

72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

T: (+84)-28-38270750

F: (+84)-28-38270751